

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

**CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG
(2008 - 2016)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Thái Nguyên - 2018

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

**CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG
(2008 - 2016)**

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 8 22 90 13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: TS. ÂU THỊ HỒNG THẨM

Thái Nguyên - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, khách quan và chưa từng được bảo vệ ở Hội đồng khoa học nào, chưa được công bố ở đâu.

Tôi xin cam đoan các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2018

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Thùy Trang

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, tác giả xin gửi lời cảm ơn đến TS. Âu Thị Hồng Thắm đã trực tiếp hướng dẫn khoa học và tận tình giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn quý thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã trực tiếp giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Tác giả xin chân thành cảm ơn các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện Sơn Dương; Đảng ủy, HĐND, UBND các xã và các hộ nông dân đã cung cấp số liệu thực tế cũng như những thông tin cần thiết để tôi hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các đồng nghiệp, bạn bè cùng toàn thể gia đình, người thân đã động viên tôi trong thời gian nghiên cứu đề tài.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2018

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Thuỳ Trang

MỤC LỤC

	Trang
Trang bìa phụ	
Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
Danh mục các cụm từ viết tắt.....	iv
Danh mục bảng, biểu.....	v
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu	3
3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu	7
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu	8
5. Đóng góp của luận văn	9
6. Kết cấu của luận văn.....	10
Chương 1. HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG TRƯỚC KHI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.....	11
1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên.....	11
1.1.1. Vị trí địa lý.....	11
1.1.2. Điều kiện tự nhiên	12
1.2. Dân cư và nguồn lao động.....	15
1.3. Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội.....	17
1.3.1. Về kinh tế.....	17
1.3.2. Văn hóa - xã hội.....	20
1.4. Cơ sở hạ tầng	25
Tiểu kết chương 1	28
Chương 2. CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CỦA HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG (2008 - 2016).....	28
2.1. Chủ trương xây dựng nông thôn mới	29

2.2. Quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới	34
2.2.1. Tuyên truyền, tập huấn, phát động thi đua	34
2.2.2. Huy động nguồn lực	37
2.2.3. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và phát triển sản xuất.....	39
2.2.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu	43
2.2.5. Giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường.....	46
2.3. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới	47
Tiểu kết chương 2	49
Chương 3. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG (2008 - 2016)	50
3.1. Góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.....	50
3.2. Góp phần nâng cao đời sống nhân dân.....	53
3.3. Những hạn chế và bài học kinh nghiệm	57
Tiểu kết chương 3	59
KẾT LUẬN.....	59
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	63
PHỤ LỤC	

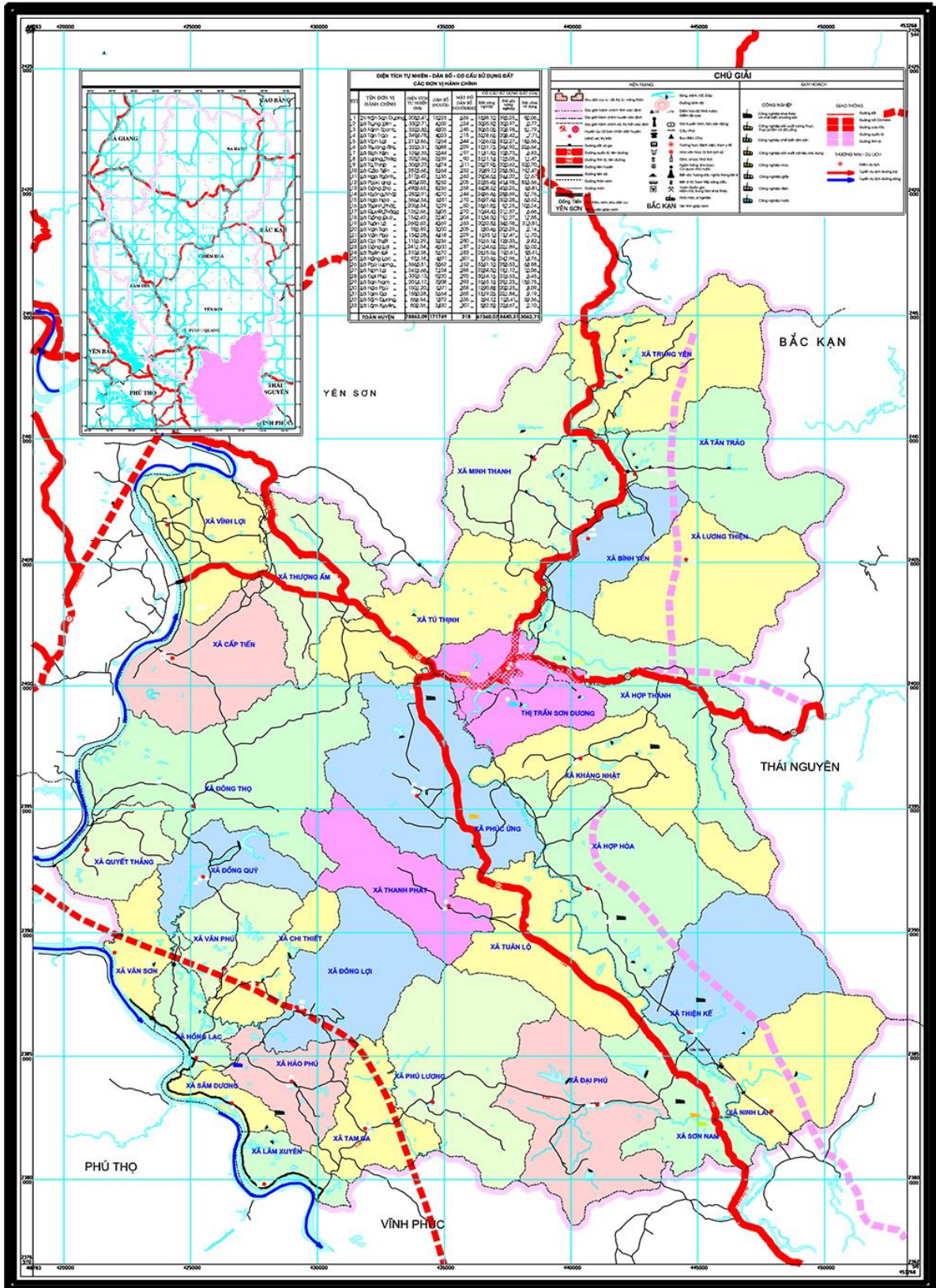
DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

NTM	: Nông thôn mới
GTSX	: Giá trị sản xuất
UBND	: Ủy ban nhân dân
BCĐ	: Ban chỉ đạo
CNH	: Công nghiệp hoá
HDH	: Hiện đại hoá
DS	: Dân số
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
DTNT	: Dân tộc nội trú
XD	: Xây dựng
DV	: Dịch vụ
KHHGD	: Kế hoạch hoá gia đình
NXB	: Nhà xuất bản

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 1.1. Tăng trưởng GTSX các ngành kinh tế huyện Sơn Dương giai đoạn 2005 - 2008.....	19
Bảng 1.2. Chuyển dịch cơ cấu GTSX theo ngành huyện Sơn Dương giai đoạn 2005 - 2008	20
Bảng 1.3. Mạng lưới cơ sở Giáo dục Đào tạo của huyện Sơn Dương năm học 2008 - 2009.....	21

BẢN ĐỒ HUYỆN SƠN DƯƠNG - TỈNH TUYÊN QUANG



Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang năm 2016

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân là vấn đề đặc biệt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự tăng trưởng của kinh tế, là cơ sở ổn định chính trị và an ninh quốc phòng, là yếu tố quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trong suốt một thời gian dài, nhân dân Việt Nam phải gồng mình thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại sự xâm lược của hai đế quốc lớn Pháp, Mĩ với những âm mưu thâm độc và chính sách nô dịch của chúng nên đất nước Việt Nam đặc biệt là ở các vùng nông thôn gặp khó khăn về mọi mặt, đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) đã đề xướng và lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, nhờ vậy nông thôn Việt Nam từng bước có điều kiện phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, nông thôn Việt Nam vẫn ở mức lạc hậu, kinh tế nông nghiệp là chủ đạo, năng suất lao động thấp và mất cân đối (giữa vùng núi và đồng bằng), cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, giao thông đi lại khó khăn, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa,... điều này đã gây trở ngại cho tổ chức sản xuất và lưu thông hàng hóa. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề cấp thiết đặt ra như tỉ lệ dân số ở khu vực nông thôn tăng khá nhanh, gây sức ép về việc làm, ruộng đất và nhà ở. Bộ máy quản lý hành chính cấp cơ sở chưa cao, hiệu quả hoạt động của các loại hình kinh tế và kinh doanh nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng...

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chương trình đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn (Chương trình 134,135...). Đặc biệt, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành TW khóa X thì đường lối, chính sách về nông nghiệp - nông dân - nông thôn ngày càng cụ

thể và chuẩn xác hơn. Với “Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới”, nông thôn Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, dần đẩy lùi sự lạc hậu. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta khẳng định “Xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”. Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng (2011) đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ của xây dựng nông thôn đến năm 2020 là “Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn, giữ gìn và phát huy nét văn hóa bản sắc của nông thôn Việt Nam”.

Sơn Dương là huyện nằm ở phía Nam tỉnh Tuyên Quang, cách thành phố 30 km, huyện có đặc thù của vùng chuyển tiếp giữa trung du và miền núi, diện tích 78.795,15 km², dân số 181.052 người (2016), mật độ dân số 229,8 người/km², rừng núi chiếm 3/4 diện tích đất tự nhiên. Huyện có 33 đơn vị hành chính gồm 1 thị trấn và 32 xã. Về cơ bản, Sơn Dương là huyện thuần nông, nhân dân trong huyện sống chủ yếu bằng nghề sản xuất nông nghiệp. Ngay từ khi Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) được triển khai, nhân dân trong huyện đã tích cực hưởng ứng và quyết tâm thực hiện. Tính đến tháng 12/2016 có 2 xã đạt chuẩn NTM là Tân Trào và Ninh Lai.

Sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM (2008 - 2016), huyện Sơn Dương đang là “điểm sáng” của tỉnh về xây dựng NTM; diện mạo nông thôn thay đổi từng ngày, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Vì vậy, việc tìm hiểu cuộc vận động xây dựng NTM ở huyện Sơn Dương, giai đoạn 2008 - 2016 là vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc nhằm tổng kết thực tiễn, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

Với những lý do trên, học viên lựa chọn hướng nghiên cứu **“Công cuộc**

xây dựng nông thôn mới huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang (2008 - 2016)”

làm luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử.

2. Lịch sử nghiên cứu

2.1. Trong nước

Tại Việt Nam đã có nhiều công trình khoa học liên quan đến vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tiêu biểu như tác giả Nguyễn Quang Ngọc và Phan Đại Doãn với tác phẩm *“Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử”* (1994) xuất bản tại NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. Công trình này đã nghiên cứu những vấn đề lịch sử trong phát triển nông thôn nước ta [29].

Tác giả Phạm Xuân Nam với cuốn sách *“Phát triển nông thôn”* (1997) xuất bản tại NXB Khoa học xã hội, Hà Nội đã nghiên cứu về bối cảnh nông thôn Việt Nam: Thực trạng, nguyên nhân của thực trạng, những yêu cầu có tính quy luật và giải pháp phát triển nông thôn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới [30].

Ngoài ra còn có một số công trình nghiên cứu khác như *“Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam* (bản dịch) (2000) của tác giả Tống Văn Chung tại NXB Thế giới, Hà Nội [10]; *“Xã hội học nông thôn”* (2001) của tác giả Hoàng Chí Bảo tại NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội [9]. Những nghiên cứu này đã đề cập đến vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam. Đồng thời, coi đây là vấn đề cốt lõi của nhà nước, vấn đề sống còn của chế độ.

Công trình *“Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam”* (2002) của Ban Tư tưởng văn hóa TW, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xuất bản tại NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội đã luận giải lý do, cách thức, con đường CNH, HĐH của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam [8].

Cuốn sách *“Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới”* (2003) của tác giả Nguyễn Sinh Cúc xuất bản tại NXB Thống kê, Hà Nội đã luận giải

quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam sau gần 20 năm đổi mới, những thành tựu và hạn chế, phương hướng và giải pháp khắc phục hạn chế [11].

Giáo trình “*Cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí, bước đi, cơ chế chính sách trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*” (2004) của tác giả Vũ Năng Dũng ấn hành tại NXB Nông nghiệp đã xây dựng hệ thống các tiêu chí và cơ chế chính sách trong phát triển nông [14].

Tác phẩm “*Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội NTM, kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*” (2004) của tác giả Vũ Trọng Khải xuất bản tại NXB Nông nghiệp, Hà Nội [28]. Đây là công trình nghiên cứu công phu về mô hình phát triển của nông thôn Việt Nam dưới góc độ kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Công trình nghiên cứu “*Nông dân, nông thôn và nông nghiệp - Những vấn đề đang đặt ra*” (2008) của Viện Nghiên cứu phát triển IDS ấn hành tại NXB Tri thức, Hà Nội đã nghiên cứu sâu sắc vấn đề tam nông, đặc biệt nhấn mạnh tới những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết trong tam nông.

Tác giả Vũ Văn Phúc với cuốn *Xây dựng nông thôn mới lý luận và thực tiễn*” xuất bản tại NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội [36], tác phẩm đề cập đến những vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng nông thôn mới.

Trên các tạp chí cũng đăng nhiều bài viết, tiêu biểu là tác giả Đào Thế Tuấn với bài “*Vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta trong thời kỳ đổi mới*” (Tạp chí Cộng sản, số 3, 2007) [40]; tác giả Tô Huy Rứa với bài “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đổi mới ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” (Tạp chí Cộng sản, số 12, 2008) [37]; tác giả Vương Đình Huệ với bài “*Tái cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta hiện nay*” (Tạp chí Cộng sản, 2013)... Nhìn chung, các bài viết đều tập trung làm rõ cơ sở lý luận về nông nghiệp, nông thôn và đưa ra hệ thống các quan điểm, mục tiêu, định hướng, giải

pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn thời kỳ mới để vận dụng vào trường hợp cụ thể của đất nước.

2.2. Tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM), giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020, tỉnh Tuyên Quang đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, ban hành nghị quyết, đề án, kế hoạch, tài liệu hướng dẫn để thực hiện. Đồng thời cũng đưa ra những cách làm sáng tạo, mang bản sắc riêng của tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi chương trình xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm, Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp với Văn phòng điều phối Trung ương mở các Hội nghị chuyên đề về xây dựng NTM, tập trung trao đổi về một số giải pháp để xây dựng NTM, vai trò của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc điều hành và triển khai thực hiện Chương trình.

Thường trực Tỉnh ủy định kỳ tổ chức họp UBND các huyện, thành phố và các xã nằm trong lộ trình đạt chuẩn về nông thôn mới từng năm nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

Bên cạnh đó cũng có rất nhiều tác giả đã quan tâm và thực hiện các công trình nghiên cứu về thực trạng và giải pháp huy động nguồn lực, phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện tiêu chí về giao thông, điện, giáo dục, y tế, môi trường... tại các huyện trực thuộc tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

Năm 2013, tác giả Bùi Thanh Tuấn đã bảo vệ thành công đề tài Luận văn Thạc sĩ “*Quản lý nhà nước về nông nghiệp ở tỉnh Tuyên Quang*”. Tác giả đã đưa ra những giải pháp có tính khoa học và thực tiễn về phát triển nông nghiệp ở tỉnh Tuyên Quang.

Năm 2014, tác giả Hoàng Tuấn Anh thực hiện thành công đề tài “*Giải pháp phát triển kinh tế trang trại tại tỉnh Tuyên Quang*”. Tác giả tập trung phân tích thực

trạng phát triển kinh tế trang trại đồng thời đề xuất các giải pháp phù hợp để thúc đẩy kinh tế trang trại của tỉnh phát triển.

Tác giả Tô Trí Tuệ bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ với đề tài “*Một số giải pháp xây dựng nông thôn mới tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang*”. Tác giả đã đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới và đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Hàm Yên.

Năm 2015, tác giả Hà Thị Thu Trang bảo vệ thành công đề tài Luận văn Thạc sĩ “*Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở tỉnh Tuyên Quang*”. Tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2005 - 2014, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.

Tác giả Hoàng Tuấn Anh với đề tài “*Phát triển hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang*” đã đánh giá được thực trạng về tổ chức sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp, định hướng để phát triển Hợp tác xã nông nghiệp phù hợp với đặc điểm, điều kiện và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020.

Tác giả Phạm Văn Toàn bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ với đề tài “*Huy động và sử dụng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang*”. Tác giả đánh giá thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới tại huyện Yên Sơn từ năm 2011 đến năm 2014, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới tại huyện Yên Sơn đến năm 2020.

Năm 2016, tác giả Hoàng Anh Đào đã bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ với đề tài “*Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang*”.

Tác giả đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của huyện Lâm Bình trước và trong khi thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đồng thời đề xuất những giải pháp để tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Lâm Bình.

Tác giả Vũ Tuấn Bằng với đề tài “*Phát triển nông nghiệp bền vững tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*” đã đánh giá được thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững tại huyện Sơn Dương (2011 - 2015), tác giả đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu để phát triển nông nghiệp Sơn Dương theo hướng bền vững.

Như vậy, cho đến nay chưa có công trình khoa học nào đề cập có hệ thống về công cuộc xây dựng NTM ở huyện Sơn Dương (2008 - 2016) dưới góc độ khoa học lịch sử.

3. Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu quá trình thực hiện xây dựng NTM huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2008 - 2016; Tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế cần khắc phục và rút ra bài học kinh nghiệm trong xây dựng nông thôn mới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Khái quát về huyện Sơn Dương trước khi xây dựng NTM;
- Phân tích quá trình xây dựng NTM ở địa bàn nghiên cứu;
- Đánh giá về công cuộc xây dựng NTM của huyện Sơn Dương (những thành tựu, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm)

3.3. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá thực trạng công cuộc xây dựng nông thôn mới tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (2008 - 2016), tác giả nêu bật được những kết quả huyện Sơn Dương đã đạt được, chỉ ra những khó khăn, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm trong xây dựng NTM của huyện Sơn Dương có thể tham

khảo vận dụng ở một số huyện khác trong tỉnh trong thời gian tới.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài tiến hành nghiên cứu trên toàn bộ không gian huyện Sơn Dương (diện tích là 78.795,15 km²) và đi sâu tới cấp xã (33 đơn vị hành chính gồm 32 xã và 1 thị trấn).

Về thời gian: Các dữ liệu sử dụng trong luận án được cập nhật trong giai đoạn 2005 - 2008 (trước khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới), 2009 - 2016 (triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới) và định hướng đến năm 2020.

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Trong quá trình thực hiện đề tài tác giả đã tham khảo nhiều nguồn tài liệu, trong đó tài liệu chính được tác giả sử dụng đó là: Các văn kiện của Đảng, Chính phủ liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài; Các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang và của huyện Sơn Dương qua các kỳ Đại hội; Báo cáo tổng kết, sơ kết của Huyện ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc và các tổ chức đoàn thể huyện Sơn Dương trong những năm gần đây; Báo cáo của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Thống kê; Phòng Kinh tế huyện Sơn Dương; Các cuốn sách, bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu đề tài. Để có kết quả chính xác về cuộc vận động xây dựng NTM tác giả khảo sát thực tế tại các xã của huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng một số phương pháp chủ yếu sau đây:

Phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic: Bằng phương pháp lịch sử, dựa vào các nguồn tư liệu, tác giả trình bày một cách hệ thống, chân thực, khách quan về quá trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Sơn Dương. Trên cơ

sở phân tích các sự kiện, hiện tượng lịch sử, tác giả rút ra những nhận định, làm rõ bản chất của vấn đề.

Phương pháp luận khoa học (phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử), bám sát đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước trong quá trình triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM.

Phương pháp thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu thống kê: Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng trong các nghiên cứu nói chung và nghiên cứu sử học nói riêng. Với đề tài này, tác giả sử dụng chủ yếu nguồn dữ liệu từ Phòng Thống kê huyện, Báo cáo thường niên của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trên cơ sở đó, tiến hành xử lý số liệu có đủ độ tin cậy phục vụ mục đích nghiên cứu đề tài.

Phương pháp phân tích hệ thống: Thực trạng xây dựng NTM của huyện Sơn Dương được nhận biết thông qua phân tích mối liên hệ không gian, thời gian giữa các xã với nhau và trong mối quan hệ tương quan với các địa phương khác. Ở đây, tác giả chú ý đến các mối quan hệ tự nhiên và nhân văn, các mối liên hệ nhân quả. Các giải pháp đề xuất được tiến hành trên cơ sở so sánh, tổng hợp để rút ra các hiện tượng kinh tế, hiện tượng địa lí phục vụ nghiên cứu nội dung đề tài.

Phương pháp điền dã: Đây là một trong những phương pháp truyền thống của Khoa học Lịch sử. Tác giả vận dụng phương pháp này khảo sát thực tế ở một số xã trong huyện để phát hiện vấn đề và kiểm định các thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau.

Phương pháp chuyên gia: Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã tiến hành tham khảo ý kiến của chuyên gia Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

5. Đóng góp của luận văn

- Luận văn nêu lên quá trình xây dựng NTM của huyện Sơn Dương.
- Chỉ ra sự chuyển biến của nông thôn huyện Sơn Dương trước và trong quá trình xây dựng NTM.
- Rút ra một số kinh nghiệm có thể tham khảo vận dụng ở một số huyện khác của tỉnh trong thời gian tới.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, cấu trúc nội dung được chia thành 3 chương:

Chương 1. Huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang trước cuộc vận động xây dựng nông thôn mới

Chương 2. Chủ trương xây dựng nông thôn mới và quá trình thực hiện của huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang (2008 - 2016)

Chương 3. Một số đánh giá về công cuộc xây dựng nông thôn mới huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang (2008 - 2016)

Chương 1

HUYỆN SON DƯƠNG TỈNH TUYỀN QUANG TRƯỚC KHI THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Son Dương là huyện nằm ở phía Nam tỉnh Tuyên Quang, cách thành phố Tuyên Quang khoảng 30km. Trải qua các thời kỳ lịch sử, huyện Son Dương có nhiều thay đổi về địa giới, hành chính. Khi nhà nước Văn Lang ra đời, Son Dương thuộc bộ Văn Lang. Dưới chế độ Bắc thuộc, Son Dương trực thuộc các phủ, quận do thống trị phương Bắc lập ra.

Huyện Son Dương ngày nay được sáp nhập từ hai huyện Đẻ Giang và Đăng Đạo. Cả hai huyện từ thời Lý - Trần - Lê Sơ đến trước năm 1833 thuộc phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây. Thời Trần, huyện Son Dương gọi là huyện Đáy Giang thuộc lộ Quốc Oai. Thời thuộc Minh gọi là huyện Đẻ Giang (đẻ là đáy, giang là sông). Thời Lê, năm Quang Thuận thứ 10 (1469) sáp nhập vào phủ Đoan Hùng, trấn Sơn Tây. Đến thời Lê Trung Hưng đổi tên thành huyện Son Dương, bao gồm có 9 tổng: Át Sơn, Yên Lịch, Lương Viên, Đồng Chương, Linh Xuyên, Mẫn Hóa, Hội Kế, Hữu Vu, Gia Mông (Từ xã Tuân Lộ ngày nay đến hết các xã hạ huyện Son Dương).

Năm 1831, tỉnh Tuyên Quang được thành lập. Ngày 18/4/1888, Thống sứ Bắc Kỳ tách huyện Son Dương ra khỏi tỉnh Sơn Tây nhập vào tỉnh Tuyên Quang. Năm 1891, tỉnh Tuyên Quang bị xóa bỏ, các đơn vị hành chính của tỉnh Tuyên Quang được chia vào đạo quan binh II và đạo quan binh III. Năm 1900, tỉnh Tuyên Quang được tái lập, Son Dương dưới quyền quản lý nhà nước trực tiếp của tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 10/3/1945, cuộc khởi nghĩa ở đình Thanh La (xã Minh Thanh, huyện Son Dương ngày nay), tiến đánh giải phóng đồn Đăng Châu, thành lập Châu Tự

Do, bao gồm các xã vùng thượng huyện Sơn Dương, các xã vùng hạ huyện Sơn Dương gọi là châu Kháng Địch. Năm 1946, châu Tự Do và châu Kháng Địch sáp nhập lại thành huyện Sơn Dương.

Năm 1976, Hà Giang và Tuyên Quang sáp nhập thành tỉnh Hà Tuyên, Sơn Dương thuộc tỉnh Hà Tuyên. Năm 1991, tỉnh Hà Giang tách khỏi Hà Tuyên, Sơn Dương trở thành huyện trực thuộc tỉnh Tuyên Quang. Từ đó đến nay Sơn Dương là đơn vị hành chính dưới sự quản lý trực tiếp của tỉnh Tuyên Quang. Phía Đông huyện Sơn Dương giáp với tỉnh Thái Nguyên; phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc; phía Bắc giáp huyện Yên Sơn.

1.1.2. Điều kiện tự nhiên

Địa hình Sơn Dương có đặc thù của vùng chuyển tiếp giữa trung du và miền núi, rừng núi chiếm 3/4 diện tích đất tự nhiên. Địa hình chia thành 2 vùng, vùng phía Bắc huyện có địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn, xen lẫn núi đá vôi; vùng phía Nam có địa hình đồi núi bát úp, có độ dốc thấp, thoải dần.

Khí hậu của huyện Sơn Dương mang đặc tính của khí hậu miền núi trung du Bắc Bộ đó là nhiệt đới ẩm gió mùa, chia thành 2 mùa rõ rệt, mùa đông hanh khô, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 22⁰ - 24⁰C (cao nhất từ 33⁰ - 35⁰C, thấp nhất từ 12⁰ - 13⁰C). Lượng mưa bình quân hàng năm 1.500mm - 1.800mm. Độ ẩm không khí không có sự khác biệt rõ rệt theo mùa, trong năm độ ẩm dao động từ khoảng 85 - 87%.

Trên địa bàn huyện có 2 con sông lớn chảy qua là sông Lô và sông Phó Đáy, ngoài ra còn có hệ thống suối, khe, lạch tạo nguồn nước phong phú.

Điều kiện tự nhiên của huyện khá phong phú, đa dạng thuận lợi cho việc phát triển các ngành nông - lâm - thủy sản với các loại cây trồng, vật nuôi thích hợp với địa hình vùng trung du miền núi. Trước hết là nguồn tài nguyên đất, được chia làm 06 nhóm: Nhóm đất phù sa có diện tích 3.752 ha, chiếm 7,76% diện tích đất tự nhiên gồm đất phù sa được bồi đắp hằng năm, đất phù sa không

được bồi đắp hằng năm và đất phù sa ngòi suối; Nhóm đất bạc màu có diện tích 2.240 ha, chiếm 2,84% diện tích đất tự nhiên phân bố chủ yếu ở các xã ven chân núi Tam Đảo như Hợp Hòa, Thiên Kế, Sơn Nam... Đất bị bạc màu do độ dốc của địa hình lớn và quá trình canh tác lâu dài không hợp lý nên bị xói mòn, rửa trôi mạnh; Nhóm đất dốc tụ có diện tích 3.136 ha, chiếm 3,98% diện tích đất tự nhiên, phân bố trên địa bàn xã trong huyện. Đa số diện tích đất trồng lúa của huyện phân bố trên nhóm đất này; Nhóm đất vàng đỏ có diện tích 18.236 ha, chiếm 23,15% diện tích đất tự nhiên bao gồm đất vàng đỏ trên đá Granit, đất vàng nhạt trên đá cát kết, đất nâu vàng trên phù sa cổ; Nhóm đất đỏ vàng có diện tích 44.162 ha, chiếm 56,05% diện tích đất tự nhiên bao gồm đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa, đất nâu đỏ trên đá vôi, đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất; Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi cao có diện tích 2.244 ha, chiếm 2,85% diện tích đất tự nhiên phân bố trên địa hình có độ cao >1000m. Đất đai ở Sơn Dương thích hợp cho việc trồng các loại cây như chè, mía, cây nguyên liệu giấy, các loại cây ăn quả như nhãn, vải... và chăn nuôi bò thịt [12, tr.10 - 11].

Do cấu trúc địa chất theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và địa hình đồi núi đất, núi đá xen kẽ, chia cắt, nên hệ thống sông suối của huyện được phân bố khá đều với nguồn nước phong phú. Trên địa bàn huyện có hai con sông lớn đó là sông Lô và sông Phó Đáy chảy qua. Sông Lô bắt nguồn từ Vân Nam - Trung Quốc chảy qua tỉnh Hà Giang xuống Tuyên Quang và đi vào địa phận huyện Sơn Dương với diện tích lưu vực gần 2000km², lưu lượng nước lớn nhất là 11.700m³/s, lưu lượng nước nhỏ nhất là 128m³/s. Sông Phó Đáy bắt nguồn từ vùng núi Tam Tào (chợ Đồn - Bắc Kạn) với diện tích lưu vực khoảng 640 km². Ngoài ra, huyện Sơn Dương còn hệ thống ao, hồ, đập, suối, khe, lạch (hồ Hoa Lũng, hồ Kháng Nhật, đập Khoa Lữ, đập Cây Sấu, suối Lê, Ngòi Thia, Ngòi Khổng, Ngòi Lẹm, Ngòi Xoan...) tạo nguồn nước phong phú, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn huyện

đồng thời chứa đựng tiềm năng phát triển thủy điện vừa và nhỏ. Tuy nhiên, do độ dốc lớn, lòng sông hẹp cũng gây nguy hiểm và lũ lụt vào mùa mưa ở nhiều vùng thấp.

Huyện có 43.295,43 ha đất lâm nghiệp, chiếm 54,9% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó diện tích rừng sản xuất 29.043,80 ha chiếm 36,9%, diện tích rừng đặc dụng 10.769,19 ha chiếm 13,6%, diện tích rừng phòng hộ 3.482,44 ha chiếm 4,4%. Độ che phủ của rừng đạt trên 50%. Diện tích rừng trồng lớn, là nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ, giấy và bột giấy [12, tr.34].

Sơn Dương có những địa danh với cảnh quan và hệ động thực vật phong phú, đa dạng để phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Tiêu biểu là khu rừng đặc dụng Tân Trào với các điểm di tích, cụm di tích lịch sử đã được xếp hạng và các loại động thực vật quý hiếm: vạc hoa, lan kim tuyến, thông pà cò, hoàng đàn...

Được thiên nhiên ưu đãi nên huyện có nhiều loại khoáng sản với trữ lượng khá lớn bao gồm: thiếc có trữ lượng 21.169 tấn phân bố tại xã Hợp Hòa, Kháng Nhật, Hợp Thành, Phúc Ứng, Thị trấn Sơn Dương; Kaolin có trữ lượng khoảng 1.060.000 tấn phân bố tại xã Hào Phú, Vân Sơn; Sắt Limonit trữ lượng trên 2.200.000 tấn phân bố tại xã Quyết Thắng, Thượng Âm, Phúc Ứng, thị trấn Sơn Dương; Chì kẽm trữ lượng 322.000 tấn phân bố tại xã Thượng Âm và Tân Trào; Vonfra trữ lượng 13.710 tấn phân bố tại xã Thiện Kế và Ninh Lai; Barit trữ lượng 1.009.000 tấn phân bố tại các xã Hợp Hòa, Thượng Âm, Tú Thịnh, Thiện Kế và Tuần Lộ [12, tr.36].

Trên địa bàn huyện có 130 điểm di tích lịch sử, trong đó có 18 di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia, 30 di tích xếp hạng di tích cấp tỉnh. Trong tổng số di tích trên, có trên 90% là di tích lịch sử, còn lại là các di tích văn hóa như đền, chùa, miếu mạo gắn với những người có công với đất nước.

Tân Trào là khu di tích lịch sử của cách mạng Việt Nam thời kỳ Cách mạng Tháng Tám. Nơi đây đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt. Tân Trào là Thủ đô Lâm thời của Khu giải phóng, nơi Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Hội nghị toàn quốc ngày 13/8/1945 để quyết định tổng khởi nghĩa. Đại hội Quốc dân đã họp tại đây ngày 16/8/1945, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh bầu ra một Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Quân Giải phóng Việt Nam làm lễ ra quân. Chiến khu Tân Trào ghi đậm dấu ấn của cách mạng Việt Nam.

Cụm di tích lịch sử Tân Trào có nhiều điểm di tích như lán Nà Nưa, lán Đồng Minh, lán Điện Đài, đình Tân Trào, đình Hồng Thái... thường xuyên được bảo vệ, tôn tạo theo đúng với nguyên mẫu.

Trên địa bàn huyện còn có khu di tích Khẩu Lầu - Vực Hồ thuộc xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, đây là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh thường ngồi câu cá trong những phút giây thư giãn sau giờ làm việc; Khu di tích Chính phủ tại xã Bình Yên; Khu di tích Làng Sào, xã Hợp Thành; Khu di tích lịch sử Nha Công an Trung ương là cơ quan tiền thân của Bộ Công an đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia, nơi đây đã trở thành “địa chỉ đỏ” không chỉ đối với các thế hệ cán bộ, chiến sỹ công an mà còn với nhân dân trong cả nước trong hành trình về với Tân Trào - “Trung tâm Thủ đô kháng chiến”.

Ngoài các khu di tích lịch sử, huyện Sơn Dương còn có nhiều đền, chùa, miếu, đình như: Hang Thia xã Tân Trào; Đình Thọ Vực thuộc xã Hồng Lạc. Đây là ngôi đền cổ từ thời Vua Hùng Vương thứ 18, thờ Tam vị đại vương đã có công đánh giặc ngoại xâm, giữ nước. Đình đã được UBND tỉnh xếp hạng là Di tích Lịch sử văn hóa cấp tỉnh từ năm 2007.

1.2. Dân cư và nguồn lao động

Năm 2008, dân số của huyện là 172.694 người với mật độ dân số trung bình là 228.2 người/km². Mật độ dân số không đều giữa các xã trong huyện, các xã có mật độ dân số từ 500 người/km² trở lên gồm thị trấn Sơn Dương

(659.2 người/km²), xã Hồng Lạc (500.1 người/km²). Các xã có mật độ dân số thấp dưới 100 người/km² gồm xã Lương Thiện (92,1 người/km²), Thanh Phát (52,5 người/km²) [12, tr.9]. Dân số sống tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn (chiếm 94%) điều này cho thấy kinh tế của huyện chủ yếu là nông nghiệp, tốc độ đô thị hoá còn chậm (tỉ lệ dân thành thị chỉ chiếm 6%). Hiện nay, cùng với quá trình CNH, đô thị ngày càng mở rộng sẽ góp phần làm tăng tỷ trọng dân thành thị trong tương lai.

Sơn Dương là huyện có truyền thống lịch sử lâu đời với nhiều dân tộc cư trú: Kinh, Tày, Cao Lan, Dao, Sán Chí, Sán Dìu, Nùng, Mông, Hoa, Mường..., trong đó trên 50% dân số là dân tộc Kinh, có khả năng tiếp cận nhanh với những tiến bộ mới cho phát triển kinh tế, nhất là nông nghiệp. Nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương đều giàu kinh nghiệm trong sản xuất, đoàn kết xây dựng quê hương giàu đẹp.

Số người trong độ tuổi lao động của huyện là 103.680 người chiếm 60% tổng dân số toàn huyện, tốc độ tăng trưởng lao động bình quân hằng năm 1,01%. Trung bình mỗi năm tạo được việc làm cho khoảng 2.500 lao động chủ yếu thông qua các chương trình, dự án vay vốn tín dụng, giải quyết việc làm tại chỗ bằng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, sửa chữa và khoảng 40% lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 250 lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài, chủ yếu tại các nước Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Chất lượng lao động của huyện Sơn Dương còn thấp, chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo nghề. Để nâng cao chất lượng, UBND huyện đã chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động, hàng năm số lao động được đào tạo nghề khoảng trên 2.000 lao động/năm. Ngoài ra, có một số lượng khá lớn lao động, nhất là lao động có tay nghề đã chuyển ra ngoài huyện, đi làm việc ở các huyện khác trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh. Đó là lý do dẫn đến tăng cơ học âm của

dân số huyện Sơn Dương.

Với đặc điểm về dân số và nguồn lao động như vậy sẽ tạo ra cho huyện những thuận lợi và khó khăn nhất định trong phát triển kinh tế, đặc biệt là trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

1.3. Tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội

1.3.1. Về kinh tế

Là huyện nằm ở phía nam của tỉnh Tuyên Quang, với lợi thế giáp ranh với các tỉnh có nền kinh tế phát triển như Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ cùng nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú thuận lợi cho phát triển các ngành nông - lâm nghiệp, công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản, du lịch dịch vụ... Cấp uỷ, chính quyền huyện Sơn Dương đã chủ động khắc phục những khó khăn, nỗ lực, cố gắng, tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các khâu đột phá, các mục tiêu và nhiệm vụ đã đề ra. Kinh tế của huyện có bước tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản. Đời sống nhân dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người đạt 12,7 triệu đồng/năm [26, tr.4].

Sản xuất nông nghiệp là nghề chính của nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương. trong đó cây lúa, ngô, chè, mía là cây trồng chủ đạo được trồng ở hầu khắp các xã trong huyện. Diện tích đất nông nghiệp của huyện có sự biến động do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, năm 2005 là 72.625,8 ha đến năm 2008 giảm còn 71.020,7 ha. Sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 324 kg/người/năm (năm 2005) tăng lên 510 kg/người/năm (năm 2008), năng suất bình quân hàng năm đạt 48,7 tạ/ha, giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp trồng trọt đạt 51 triệu đồng. Mặc dù diện tích đất nông nghiệp giảm nhưng nhờ áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, sử dụng các loại giống mới nên sản lượng lương thực bình quân đầu người vẫn tăng lên đáng kể góp phần đảm

bảo an ninh lương thực cho nhân dân trong huyện.

Chăn nuôi bước đầu được phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Các dự án về chăn nuôi trên địa bàn huyện được tích cực triển khai nhằm tăng tổng đàn gia súc, gia cầm. Năm 2008, giá trị ngành chăn nuôi đạt 480.750 triệu đồng, chiếm 28,4% trong cơ cấu giá trị giữa trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ. Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện cũng được quan tâm đầu tư nhưng quy mô còn nhỏ, sản lượng chưa cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu của gia đình và một phần của địa phương.

Sản xuất lâm nghiệp là thế mạnh của huyện, hàng năm huyện đều hoàn thành và vượt kế hoạch trồng rừng, giai đoạn 2005 - 2008, toàn huyện trồng trên 8.000 ha rừng tập trung, đạt 126% mục tiêu Nghị quyết, góp phần duy trì độ che phủ rừng đạt trên 50%. Kinh tế rừng đã đem lại nguồn thu đáng kể, thúc đẩy sự phát triển kinh tế hộ gia đình nói riêng và kinh tế trong toàn huyện nói chung. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng được tăng cường. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng vẫn chưa được khắc phục triệt để, vẫn còn hiện tượng khai thác trái phép và để xảy ra một số vụ cháy rừng [26, tr.4 - 5].

Lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp bước đầu có sự phát triển. Trên địa bàn huyện có Công ty Cổ phần chè Tân Trào (xã Tân Trào), Nhà máy sản xuất Giấy và Bột giấy An Hoà, Cụm công nghiệp Long Bình An, Nhà máy may (xã Vĩnh Lợi), Nhà máy chế biến bột Barite (thị trấn Sơn Dương), Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương (xã Kim Xuyên), các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng... Một số sản phẩm công nghiệp đạt sản lượng khá, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2008 đạt 500.325 tỷ đồng, bằng 100,2% so với năm 2007. Xây dựng và phát triển các làng nghề đặc biệt là các làng nghề chè góp phần giải quyết việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho người dân [26, tr.5].

Thương mại và dịch vụ ngày càng phát triển, tại các cửa hàng, siêu thị số

lượng hàng hóa ngày càng tăng và đa dạng đáp ứng được phần lớn nhu cầu của người dân trong huyện không chỉ ở khu vực thị trấn mà còn ở cả các xã, xóm vùng nông thôn. Các hoạt động dịch vụ như giao thông vận tải, bảo hiểm, điện năng, viễn thông,... cũng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Bảng 1.1. Tăng trưởng GTSX các ngành kinh tế huyện Sơn Dương giai đoạn 2005 - 2008 (Tính theo giá so sánh 1994, đơn vị %)

Chỉ tiêu	Năm				
	2005	2006	2007	2008	2005-2008
1. Công nghiệp, XD	31,54	31,76	32,06	34,78	1,10
2. Thương mại, DV	20,85	21,01	20,11	21,89	1,0
3. Nông, lâm, thủy sản	47,62	48,0	48,01	48,78	1,02
Tăng trưởng TB năm	6,67	7,25	6,25	6,83	1,02

Nguồn: Xử lý từ số liệu của NGTK huyện Sơn Dương từ năm 2005-2008

Qua bảng số liệu 1.1 ta thấy GTSX các ngành kinh tế của huyện từ năm 2005 đến năm 2008 đều có sự tăng trưởng công nghiệp - xây dựng tăng từ 31,54% lên 34,78% tăng bình quân 1,10%/năm, thương mại - dịch vụ tăng từ 20,85% lên 21,89% tăng bình quân 1,0%/năm, nông nghiệp tăng từ 47,62% lên 48,78% tăng bình quân 1,02%/năm, tăng trưởng trung bình hằng năm 1,02%. Kinh tế phát triển góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trong toàn huyện.

**Bảng 1.2. Chuyển dịch cơ cấu GTSX theo ngành huyện Sơn Dương
giai đoạn 2005 - 2008 (Tính theo giá thực tế, đơn vị: %)**

Chỉ tiêu	Năm			
	2005	2006	2007	2008
1. Công nghiệp, XD	29,46	31,02	32,54	34,68
2. Thương mại, DV	18,35	18,38	19,15	21,57
3. Nông, lâm, thủy sản	52,19	50,6	48,31	43,75
Tổng GTSX	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Xử lý từ số liệu của NGTK huyện Sơn Dương từ năm 2005-2008

Bảng số liệu 1.3 cho thấy, cơ cấu các ngành kinh tế của huyện đang dần chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông, lâm, thủy sản. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế của huyện chủ yếu vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp. Ngành nông, lâm, thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của toàn huyện.

Nhìn chung, mức tăng trưởng kinh tế hằng năm của huyện Sơn Dương tuy cao nhưng chưa bền vững. Đời sống của nhân dân được nâng lên đáng kể, thu nhập bình quân đầu người/năm tăng nhưng so với toàn tỉnh và cả nước vẫn ở mức thấp. Cơ cấu kinh tế của huyện đã chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm, ngành nông, lâm, ngư nghiệp phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng; ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ đã có bước tiến đáng kể nhưng quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán.

Những đặc điểm về kinh tế nêu trên là một trong những căn cứ để Đảng bộ, chính quyền huyện Sơn Dương xác định các chỉ tiêu và giải pháp để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2008 - 2016.

1.3.2. Văn hóa - xã hội

Hệ thống giáo dục trên địa bàn huyện được phát triển, góp phần nâng cao trình độ văn hóa trong nhân dân. Năm học 2008 - 2009, toàn huyện Sơn

Dương có 104 trường học trong đó: trường Mầm non: 35; Trường Tiểu học: 30; Trường Trung học cơ sở: 31; Trường Trung học phổ thông: 06; Trường Phổ thông Dân tộc nội trú: 1; Trung tâm dạy nghề: 1 với tổng số học sinh là 33.658 em.

Bảng 1.3. Mạng lưới cơ sở Giáo dục Đào tạo của huyện Sơn Dương năm học 2008 - 2009

TT	Bậc học	Trường	Học sinh	Lớp	HS/lớp
1	Mầm non	35	7.462	220	34
2	Tiểu học	30	8.481	300	28,3
3	Trung học cơ sở	31	8.695	264	32,9
4	Trung học phổ thông	06	7.816	186	42
5	Phổ thông Dân tộc nội trú	01	484	14	34,6
6	Trung tâm dạy nghề	01	720	14	51,4

Nguồn: Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Sơn Dương năm 2008

Đội ngũ giáo viên của huyện năm học 2008 - 2009 là 2.688 giáo viên trong đó: Mầm non 738 người, Trung học cơ sở 762 người; Trung học phổ thông 360 người; Phổ thông Dân tộc nội trú ATK Sơn Dương 32 người. Số cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn của năm 2008 là 2.251 người chiếm 83,7% [31,tr.3].

Công tác giáo dục và đào tạo luôn được các cấp, các ngành quan tâm và có bước phát triển toàn diện. Ngành Giáo dục đã thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Hai không” và Phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Kết quả giáo dục toàn diện hằng năm của các cấp học được giữ vững. Chất lượng giáo dục được nâng lên. Số học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi các cấp và số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đều tăng qua các năm.

Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của các trường đều được đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp và mua sắm mới. Tuy nhiên, đa số diện tích các trường còn hẹp, chưa có phòng chức năng vẫn phải sử dụng kết hợp phòng học và phòng chức năng, diện tích các xã rộng, nên nhiều em học sinh THPT phải đi học xa, một số trường học đang trong tình trạng xuống cấp đặc biệt một số địa phương thuộc vùng đặc biệt khó khăn (vùng 135) hệ thống giáo dục và cơ sở vật chất còn sơ sài, lớp học còn thiếu, học sinh phải học 2 ca/ngày. Đến hết năm 2008, huyện Sơn Dương chưa có trường nào đạt chuẩn quốc gia.

Tính đến năm 2008, mạng lưới các cơ sở y, được trên địa bàn huyện bao gồm: 1 Bệnh viện Đa khoa; 1 Trung tâm Dân số - KHHGD; 1 Trung tâm Y tế dự phòng; 2 Phòng khám khu vực; 33 Trạm Y tế xã, thị trấn; 5 Phòng khám răng tư nhân; 7 Phòng khám nội, siêu âm tư nhân và 48 Quầy thuốc tân dược tư nhân.

Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Bệnh viện đã được nâng cấp và mở rộng với hơn 70 giường bệnh gồm 10 khoa, phòng: Khoa Nội, Khoa Nhi, Khoa Ngoại - Chấn thương, Phòng mổ, Phòng khám đa khoa, Phòng khám da liễu, Hội trường đa năng,... Bệnh viện được đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại, kỹ thuật cao như máy thở, máy nghe tim thai, máy theo dõi các chỉ số sống cơ thể, máy xét nghiệm sinh hóa 18 thông số, máy siêu âm, máy nội soi, máy gây mê kèm thở,... Hàng năm, bệnh viện đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ y bác sỹ nhằm đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế ngày một tốt hơn.

Trung tâm Y tế dự phòng huyện được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ cho hoạt động. Những năm qua, trung tâm luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS; Phòng, chống bệnh xã hội; An toàn vệ sinh thực phẩm; Chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn huyện.

Trung tâm Dân số - KHHGD đã có trụ sở làm việc riêng, công tác truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGD hằng năm luôn được đổi mới, đội ngũ công tác viên nhiệt tình, trách nhiệm với công việc. Nhờ vậy, tỷ lệ sinh con thứ 3 trên địa bàn huyện đã giảm rõ rệt.

Năm 2008, tổng số cán bộ y tế trên địa bàn huyện 746 người. Trong đó: Chuyên khoa II: 05 người, Chuyên khoa I: 22 người, Bác sỹ: 64 người, Y sỹ: 42 người, Điều dưỡng: 72 người, Nữ hộ sinh: 30 người, Y sỹ y học cổ truyền: 35 người, Dược sỹ cao cấp: 3 người, Dược sỹ trung cấp: 7 người, Nhân viên y tế thôn bản: 466 người [34, tr.3].

Đội ngũ cán bộ y tế về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tuy nhiên, cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế còn thiếu nên việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân vẫn còn gặp khó khăn. Mặt khác, do địa bàn của huyện rộng với dân số đông nên tính số cán bộ y tế trên đầu dân còn thấp.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của huyện đạt được những thành tích khá cao, chất lượng hoạt động được nâng lên đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng của huyện tiếp tục phát triển sâu rộng qua các năm, toàn huyện có 35 công trình Thể dục - thể thao trong đó: Nhà thi đấu đa năng: 2; Sân bóng đá cấp huyện: 1; Sân bóng đá cấp xã: 32. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có một số sân nhỏ, sử dụng làm sân chơi bóng chuyền, sân cầu lông, sân bắn nỏ. Nhìn chung, các công trình thể thao trên địa bàn huyện còn ít, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu tổ chức thi đấu và yêu cầu tập luyện thể thao thường xuyên.

Huyện Sơn Dương đã thành lập và duy trì tốt hoạt động của các câu lạc bộ Thể dục - thể thao như Câu lạc bộ cầu lông, bóng chuyền, xe đạp, dưỡng sinh, bóng bàn, bắn cung, bắn nỏ. Theo thống kê của Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện Sơn Dương, năm 2008 toàn huyện có khoảng 420 vận động viên quần chúng. Trong đó, các vận động viên tham gia thi đấu các môn thể thao

dân tộc như đẩy gậy, tung còn, đi cà kheo, vật và kéo co chiếm trên 80%. Tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và khu vực, các môn thể thao dân tộc của huyện Sơn Dương luôn được đánh giá cao đặc biệt có nhiều vận động viên “không có đối thủ” trong nhiều năm liền ở các môn như đẩy gậy, tung còn, đi cà kheo... Phong trào thể thao quần chúng đã và đang phát triển rộng khắp các xã trên địa bàn huyện Sơn Dương [35, tr.5].

Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội của địa phương được thực hiện thường xuyên, kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, vận động nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước... Cùng với việc đầu tư nâng cấp Đài Phát thanh - Truyền hình, cột thu phát sóng, huyện xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cụm loa tự hành tại các thôn, tổ dân phố, sử dụng và phát huy được các phương tiện sẵn có để kịp thời tuyên truyền các sự kiện chính trị trong và ngoài nước cũng như của địa phương.

Công tác vận động Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng phong trào ngày được nâng cao, Ban Chỉ đạo Phong trào “*Toàn dân đăng ký xây dựng đời sống văn hóa*” các cấp đã được kiện toàn. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã phối hợp triển khai phong trào, trong đó tập trung vào việc mở rộng và nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”. Công tác tuyên truyền, vận động được thực hiện thông qua các hình thức hội họp, bàn bạc dân chủ, công khai qua hệ thống loa phát thanh, tài liệu, panô, áp pích, khẩu hiệu, các buổi sinh hoạt, câu lạc bộ. Việc xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa gắn liền với việc xây dựng làng văn hóa, tổ dân phố văn hóa, cơ quan văn hóa.

Các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư. Năm 2008, toàn huyện có 1 nhà văn hoá cấp huyện; 12/33 nhà văn hoá cấp xã (đạt 36,4%); 140/424 nhà văn hoá cấp thôn, tổ dân phố (chiếm 33%). Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hoá trên địa bàn huyện hoạt động tốt theo quy chế, thực hiện tốt chức năng là trung tâm hoạt động văn hoá, đào tạo bồi dưỡng hạt nhân cho phong trào cơ sở, nâng cao đời sống văn hoá cơ sở. Tuy nhiên, một số thiết chế còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức bộ máy và kinh phí đầu tư do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Công tác Quốc phòng - an ninh luôn được chăm lo xây dựng và phát triển vững chắc. Thời gian qua, huyện ủy, UBND huyện đã chú trọng xây dựng hạ tầng bảo đảm cho sản xuất, phục vụ dân sinh đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo điều kiện vừa bảo vệ sản xuất vừa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng ở địa phương. Thực hiện tốt công tác giáo dục Quốc phòng - an ninh góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện về nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương, đề cao ý thức cảnh giác, tinh thần trách nhiệm đối với công tác Quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” được duy trì thường xuyên. Công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Lực lượng làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu được duy trì, bảo đảm quân số và tổ chức luyện tập thường xuyên nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.4. Cơ sở hạ tầng

Xác định phát triển và hoàn thiện mạng lưới giao thông là đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, huyện Sơn Dương đã quy hoạch chi tiết phát triển mạng lưới giao thông năm 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020. Hệ thống giao thông của huyện đang được hoàn thiện từng ngày. Năm 2008, hai tuyến Quốc lộ 37 và 2C qua địa bàn huyện được nâng cấp, cải tạo đạt đường cấp III

miền núi.

Cùng với quốc lộ, các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ, đường đô thị và đường giao thông liên thôn bản đã và đang được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Năm 2008, huyện đã nâng cấp sửa chữa, mở mới được nhiều tuyến đường có tính chiến lược trong phát triển kinh tế như cải tạo nâng cấp đường Kỳ Lâm - Lương Thiện, đường Tân Trào - Trung Yên, đường 13B thị trấn Sơn Dương và trên 20 km đường bê tông thôn bản, trở thành huyện đầu tiên trong tỉnh đạt 100% thôn bản có đường giao thông đến trung tâm.

Quy hoạch chi tiết hệ thống giao thông Sơn Dương, gồm: Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách với chất lượng cao. Theo đó, tuyến Quốc lộ 2B đoạn qua Sơn Dương dài 50 km được nâng cấp, cải tạo thành đường cấp IV miền núi, hai làn xe, mặt đường rộng 5,5m, bê tông nhựa. Cùng với đường bộ, huyện đã quy hoạch tuyến đường sắt đi qua huyện, xây dựng cảng An Hòa tại xã Vĩnh Lợi. Nhìn chung, hệ thống trục đường chính trên địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp và cải tạo để đáp ứng được yêu cầu CNH, HĐH của địa phương. Tuy nhiên, Sơn Dương là huyện miền núi có nhiều xã thuộc vùng sâu vùng xa, nhiều đèo núi, nhiều tuyến đường liên thôn, liên xã vẫn là đường đất, đi lại còn gặp nhiều khó khăn.

Toàn huyện có 46 cầu với tổng chiều dài 560m, hệ thống cầu được làm bằng bê tông cốt thép gồm 35 cầu trong đó: cầu có chiều rộng từ 4-5,5m: 12 cầu với tổng chiều dài 220m; cầu có chiều rộng từ 2,5-4m: 23 cầu với tổng chiều dài 140m; Cầu treo có 11 cầu với tổng chiều dài 200m. Ngoài ra, huyện có 365 cống chiều dài 1.527,5m trong đó: Cống tròn các loại có 280 cống, chiều dài 9.372m; Cống bản các loại có 60 cống với tổng chiều dài 570m; Cống khác có 25 cống. Hiện tại, một số cầu, cống đang trong tình trạng xuống cấp, các loại xe vận tải có trọng tải lớn không thể đi qua, điều này đã gây khó

khăn cho việc vận chuyển, lưu thông hàng hóa nhất là một số xã ở vùng sâu, vùng xa.

Năm 2008, trên địa bàn huyện Sơn Dương chưa có tuyến trung thế nào đúng chuẩn 220kV của ngành điện lực. Trạm Trung gian 35kV: 01 trạm; Trạm phân phối: 164 trạm; Trạm thu phát sóng di động: 04 trạm; Đường dây 35 kV: 234 km; Đường dây 10 kV: 38 km; Đường dây hạ thế: 491 km; Khách hàng dùng điện: 41.000 khách hàng; Khách hàng thuê bao dịch vụ viễn thông: 3.500 khách hàng; Sản lượng điện thương phẩm: 47 triệu kw; Doanh thu bán điện: 32,6 tỷ đồng; Doanh thu cước viễn thông: 2,13 tỷ đồng; Tồn thất điện năng: 6%; Giá bán điện bình quân: 964,3 đồng/Kwh. Toàn huyện có 386/424 xã có điện. Ngoài ra, do địa bàn huyện rộng, các điểm dân cư phân tán, nhiều điểm dân cư có quy mô quá nhỏ nên không thể xây dựng trạm biến áp riêng. Bình quân mỗi trạm biến áp cung cấp điện cho diện tích khoảng 200 ha. Do vậy chất lượng cấp điện không ổn định và khó để đủ điện áp.

Mạng lưới thông tin bưu chính viễn thông phục vụ thuê bao của huyện Sơn Dương được cấp từ các tổng đài điều khiển và được tiếp sóng bởi hệ thống các trạm của các doanh nghiệp ngành viễn thông. Về cơ bản, các tổng đài đều đảm bảo phục vụ thuê bao trên địa bàn huyện. Chất lượng mạng cáp gốc tương đối tốt. Mỗi xã, thị trấn có một đại lý bưu điện nên khả năng đáp ứng nhu cầu về dịch vụ bưu điện trên địa bàn là tương đối tốt.

Tính đến năm 2008, huyện Sơn Dương có 300 công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho tổng diện tích trên 7.830 ha lúa cả năm, ngoài ra các công trình thủy lợi còn tưới tiêu cho hàng trăm diện tích cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản. Toàn huyện cũng đã kiên cố được 410/771 km kênh mương. Toàn bộ công trình thủy lợi được quản lý bởi các xã. Nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí được sử dụng vào việc sửa chữa, nâng cấp và xây mới các công trình thủy lợi. Hệ thống kênh, mương nội đồng được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, toàn huyện có trên 100 km kênh mương lấp đặt bằng cầu

kiện bê tông đúc sẵn. Huyện có 104 hồ, đập chứa nước vừa và nhỏ. Trong đó có 04 hồ, đập có quy mô trên 30 ha: hồ Hoa Lũng, đập Cây Khê, hồ Tân Trào, hồ Kháng Nhật, còn lại 100 hồ nhỏ từ 30 ha trở xuống do các xã quản lý.

Nhìn chung, hệ thống hồ, đập của Sơn Dương đã đáp ứng được được nhu cầu cung cấp nước tưới cho nông nghiệp cũng như phục vụ nuôi trồng thủy sản, phục vụ cho dịch vụ du lịch, điều hoà khí hậu, cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, do độ dốc lớn nên về mùa mưa thường bị sạt lở, ảnh hưởng đến lòng hồ, cần đầu tư để xây kè vừa để giữ nước vừa bảo vệ môi trường sinh thái.

Tiểu kết chương 1

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, huyện Sơn Dương đã lập nên nhiều thành tích đáng tự hào. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương luôn phát huy truyền thống cách mạng, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, khai thác tiềm năng, phát huy thế mạnh của địa phương, tạo bước đột phá mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, huyện đã và đang thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch cụ thể các ngành, vùng, lĩnh vực như giao thông, công nghiệp, xây dựng, du lịch, lâm nghiệp... Với vị trí lịch sử quan trọng từng là Thủ đô Khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến, Sơn Dương luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đó là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện cho sự phát triển huyện.

Bên cạnh những thuận lợi, huyện Sơn Dương cũng gặp nhiều khó khăn do địa hình miền núi bị chia cắt, trình độ dân trí còn thấp, thiếu nguồn lực đầu tư. Đối chiếu với các tiêu chí trong Bộ Tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện mới đạt 3-4/19 tiêu chí. Vì vậy, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM sẽ góp phần xây dựng huyện Sơn Dương ngày càng phát triển. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên, đời sống của nhân dân trong huyện được cải thiện.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CỦA HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG (2008 - 2016)

2.1. Chủ trương xây dựng nông thôn mới

Nông thôn mới là nông thôn mà trong đó đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Nông dân được đào tạo, tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới.

Nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, hiện đại, phát triển theo quy hoạch, gắn kết hợp lực giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ. Sức mạnh của hệ thống chính trị được nâng cao, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Nông thôn là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm cho đời sống của người dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu, cung cấp hàng hóa cho xuất khẩu, cung cấp lao động cho công nghiệp và thành thị. Đây là thị trường rộng lớn để tiêu thụ những sản phẩm của công nghiệp, dịch vụ. Phát triển nông thôn tạo điều kiện ổn định về mặt kinh tế - chính trị - xã hội.

Việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và đưa nông dân nước ta thoát khỏi tình trạng lạc hậu bắt kịp với trào lưu tiên bộ của thời đại luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm và coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Tại Hội nghị lần thứ bảy của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về “*Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn*” (Tam nông) nêu rõ mục tiêu của Đảng về xây dựng NTM: *Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình*

thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh, tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa [2].

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 28/10/2008 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn* đề ra 48 nhiệm vụ, bao gồm: Xây dựng 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM và xây dựng 45 chương trình dự án chuyên ngành khác. Nội dung chính của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM là: *Xây dựng tổ chức cuộc sống của cư dân nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sinh thái gắn phát triển đô thị, thị trấn, thị tứ [38].*

Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg gồm 5 nhóm với 19 tiêu chí - là cụ thể hóa các định tính của Nông thôn mới Việt Nam giai đoạn 2010-2020: 1- Quy hoạch và thực hiện quy hoạch; 2- Giao thông; 3- Thủy lợi; 4- Điện; 5- Trường học; 6- Cơ sở vật chất văn hóa; 7- Chợ nông thôn; 8- Bru điện; 9- Nhà ở dân cư; 10- Thu nhập bình quân đầu người/năm; 11- Tỷ lệ hộ nghèo; 12- Cơ cấu lao động; 13- Hình thức tổ chức sản xuất; 14- Giáo dục; 15- Y tế; 16- Văn hóa; 17- Môi trường; 18- Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; 19- An ninh trật tự xã hội. Bộ tiêu chí sẽ được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước và từng thời kỳ [39].

Vận dụng chủ trương xây dựng NTM của Đảng và Nhà nước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khóa XV đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 của về xây dựng NTM giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020 [6].

Ngày 29/3/2012 UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030 [45].

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 về mức hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2013 - 2015 [24] và Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020 [25].

Công tác tuyên truyền được coi trọng và là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành. Bám sát văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh đã nghiên cứu, biên soạn, in sao, cấp phát hàng ngàn tài liệu về NTM, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị địa phương thực hiện. Ban chỉ đạo biên soạn, in, cấp phát 2.500 tờ rơi; 2.300 cuốn “Hỏi - đáp về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM”. Đồng thời, tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách phụ trách về NTM với nhiều hình thức như: thăm quan học tập kinh nghiệm các mô hình có hiệu quả cao trong và ngoài tỉnh. Tổ chức Hội nghị học tập, trao đổi kinh nghiệm với các đoàn của tỉnh Hà Giang, Thái Nguyên, Nghệ An, Quảng Ninh, An Giang, Kiên Giang. Phối hợp với Văn phòng điều phối Trung ương, Trung tâm Công nghệ thông tin và GIS (Bộ Tài nguyên và Môi

trường) tổ chức lớp đào tạo phần mềm báo cáo số liệu trực tuyến Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM cho cán bộ Văn phòng điều phối tỉnh, cán bộ phụ trách công tác xây dựng NTM cấp huyện và 141 xã.

Từ nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã xây dựng lộ trình triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM tập trung vào mục tiêu nâng cao chất lượng các tiêu chí thực hiện, trong đó lấy người dân làm trung tâm, lấy sự thay đổi trong đời sống người dân làm thước đo khi đánh giá hoàn thành bộ tiêu chí. Đồng thời tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nông thôn mới một cách đồng bộ, chủ động, sáng tạo.

Thành lập Ban Chỉ đạo (BCĐ) Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo cụ thể: BCĐ cấp tỉnh gồm 36 thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo là đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, thành lập Văn phòng điều phối Chương trình gồm 25 thành viên; BCĐ cấp huyện, thành phố gồm 26 thành viên, Trưởng BCĐ là Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thành lập cơ quan thường trực điều phối giúp việc cho Ban Chỉ đạo; BCĐ cấp xã gồm 8 thành viên, Trưởng Ban là Bí thư Đảng ủy xã, thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban.

Ban Chỉ đạo các cấp đã xây dựng, ban hành quy chế hoạt động và phân công thành viên phụ trách địa bàn, phụ trách tiêu chí theo chức năng nhiệm vụ của sở, ngành. Hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh, Văn phòng điều phối thường xuyên được duy trì, hàng quý tổ chức họp Ban Chỉ đạo để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho cơ sở.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung huy động các nguồn lực xã hội và liên kết các thành phần kinh tế nhằm tạo sức mạnh tổng hợp, gắn xây dựng NTM với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về xây dựng NTM, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Dương đã ban hành Chương trình hành động số 12-CTr/HU ngày 02/01/2012 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 [7]; Tổ chức triển khai cho 32 xã thực hiện; Tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng NTM theo 19 tiêu chí; Lập đề án (kế hoạch) và tổ chức thực hiện đề án xây dựng NTM (gồm kế hoạch tổng thể đến năm 2020, kế hoạch 5 năm 2011 - 2015; 2016 - 2020 và kế hoạch từng năm cho từng giai đoạn); Xây dựng quy hoạch NTM của từng xã và tổ chức tuyên truyền, học tập, nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM.

Huyện thành lập BCD Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban, phân công 04 đồng chí là chuyên viên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên viên Phòng Kinh tế huyện vào bộ phận giúp việc, tham mưu cho BCD trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM.

Chỉ đạo các xã thành lập BCD, Ban Quản lý xây dựng NTM và đi vào hoạt động có hiệu quả, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên để tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình xây dựng NTM ở xã theo chỉ đạo của huyện, tỉnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã.

Trong 8 năm, Huyện ủy và UBND huyện Sơn Dương đã ban hành gần 300 văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong toàn huyện. Trong đó, tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, tập huấn, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, lập Đề án xây dựng NTM, Đề án phát triển sản xuất nhằm nâng cao thu nhập cho người dân, xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; Hướng dẫn quy trình lập hồ sơ, thủ tục thanh

quyết toán các nguồn vốn hỗ trợ trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

2.2. Quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới

2.2.1. Tuyên truyền, tập huấn, phát động thi đua

Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện công tác tuyên truyền về nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tổ chức phổ biến, vận động để cả hệ thống chính trị và nhân dân có nhận thức sâu sắc về mục đích, yêu cầu của công cuộc xây dựng NTM, đưa nội dung xây dựng NTM trở thành nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ.

Từ năm 2009 - 2016, huyện đã thay đổi 304 cụm panô tuyên truyền nội dung về xây dựng NTM tại trung tâm huyện và các xã Tân Trào, Ninh Lai, Đại Phú, Sơn Nam, Hồng Lạc, Phúc Ứng, Thượng Âm, Đông Thọ, Quyết Thắng, Sầm Dương, Tam Đa, Tuân Lộ, Thiện Kế, Sơn Nam, Hồng Lạc, Lâm Xuyên. Tổ chức biên tập và phát sóng 1.300 tin, bài; trên 656 phóng sự; cắt, dán, treo 462 lượt băng rôn; tổ chức được 12 buổi tuyên truyền lưu động tại các xã; giúp đỡ các xã, đơn vị thực hiện chương trình văn nghệ tuyên truyền tổng hợp có nội dung về xây dựng NTM.

Các xã tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở được 1.700 buổi; treo 282 lượt băng rôn, khẩu hiệu phục vụ trên 16.000.000 lượt người nghe. Qua đó đã tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, từng bước nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xây dựng NTM, dân chủ cơ sở được tăng cường, vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư được nâng lên, nhân dân, phấn khởi, tin tưởng, tích cực, chủ động tham gia xây dựng NTM [35, tr.3].

Trong cuộc vận động xây dựng NTM của huyện Sơn Dương, các tổ chức chính trị - xã hội đã có những đóng góp không nhỏ vào công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên của tổ chức tham gia xây dựng NTM.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phát huy được vai trò của mình trong việc đoàn

kết, tập hợp quần chúng nhân dân tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng NTM, trong 8 năm (2009 - 2016) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã tổ chức được 12 buổi phát động phong trào thi đua “*Toàn dân chung sức xây dựng NTM*” với hơn 5000 lượt người nghe, triển khai cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM*”, cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*”, tạo nguồn lực từ quỹ “*Vì người nghèo*” gắn với công tác xóa nhà tạm, dột nát cho hộ nghèo.

Hội Nông dân đóng vai trò quan trọng trong xây dựng NTM, thường xuyên tuyên truyền tới hội viên về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM nhằm làm thay đổi nhận thức của người nông dân. Vì vậy, nhiều nông dân sẵn sàng hiến đất, góp công sức, tiền của và trực tiếp tham gia thực hiện các công trình xây dựng trên địa bàn thôn, xóm. Từ năm 2009 - 2016, Hội đã tổ chức được 15 buổi tuyên truyền với hơn 2000 lượt người nghe, phát động phong trào thi đua “*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi*”, xây dựng 3 công trình vệ sinh, phát triển chăn nuôi kết hợp với xây dựng hầm bể Biogas. Hội viên Hội Nông dân luôn đi đầu trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi như thực hiện các mô hình chăn nuôi lợn nái sinh sản, gà thả vườn, nuôi dê, bò, mô hình trồng mía, chè, trồng cây ăn quả...

Hội Cựu chiến binh luôn phát huy bản chất của Bộ đội Cụ Hồ chủ động tham mưu cho cấp ủy đảng trong xây dựng NTM. Trong 8 năm, Hội tổ chức 15 cuộc hội nghị với 2.542 người tham gia, phát động phong trào thi đua “*Cựu chiến binh làm kinh tế giỏi*”, hội viên Hội Cựu chiến binh hăng hái tham gia sản xuất, phát triển các mô hình đem lại lợi ích kinh tế cao.

Hội Liên hiệp Phụ nữ là một lực lượng quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, với phong trào “*Phụ nữ chung tay xây dựng NTM*” gắn với cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của hội viên và gia đình. Trong 6 năm thực hiện xây dựng NTM,

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã tổ chức 26 hội nghị tuyên truyền, với trên 3000 lượt người tham gia.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đóng vai trò tích cực trong cuộc vận động xây dựng NTM, Huyện Đoàn tổ chức các Câu lạc bộ “*Thanh niên phát triển kinh tế tham gia xây dựng nông thôn mới*”, Chương trình “*Thắp sáng đường quê*”, thường xuyên hướng dẫn các chi đoàn ở các xã tuyên truyền việc thực hiện 19 tiêu chí NTM, tổ chức các hoạt động tình nguyện chung tay xây dựng NTM bằng nhiều hình thức: Xây dựng các công trình thanh niên, tham gia đổ bê tông đường giao thông, xây dựng nhà văn hóa thôn, vệ sinh môi trường. Từ năm 2009 - 2016, Huyện Đoàn tổ chức được 26 hội nghị với trên 4000 lượt người tham gia.

Đối với công tác đào tạo, tập huấn, UBND huyện phối hợp với Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM của tỉnh tổ chức tập huấn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM cho BCD, Ban Quản lý của huyện, xã, cán bộ chuyên môn giúp việc các xã và Ban Phát triển các thôn với trên 2.200 lượt người tham gia. Với mục tiêu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới để không ngừng bổ sung chuyên môn nghiệp vụ trong việc triển khai thực hiện chương trình cho cán bộ nòng cốt tại địa phương. Phòng Nông nghiệp huyện mời giảng viên là cán bộ các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT phổ biến những kiến thức cơ bản, các chuyên đề chính cần triển khai trong từng năm; cập nhật các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện với các nội dung chính qua các chuyên đề như sau: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Hướng dẫn cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2010 - 2015 định hướng đến năm 2020; Hướng dẫn thanh toán và định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới; Hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng

nông thôn mới; Hướng dẫn, đánh giá thực hiện tiêu chí nông thôn mới cấp xã; Một số nội dung tổ chức sản xuất trong nông nghiệp nông thôn tỉnh Tuyên Quang; Vai trò tuyên truyền, vận động của Ban phát triển thôn, bản trong xây dựng NTM ở tỉnh ta trong giai đoạn 2010-2020; Quản lý cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới; Nhiệm vụ của Ban phát triển thôn và người dân khi thực hiện các dự án đầu tư trong xây dựng NTM.

Các tổ chức đoàn thể chủ động phối hợp với các ban, ngành mở các lớp đào tạo, tập huấn cho hội viên, Hội Nông dân tổ chức được 21 lớp tập huấn với trên 800 người tham gia, Hội Cựu chiến binh tổ chức được 19 lớp với 675 người tham gia, Hội Phụ nữ tổ chức được 28 lớp với trên 1000 người tham gia. Đoàn Thanh niên tổ chức được 22 lớp với 950 người tham gia.

Sau khi được tuyên truyền, tập huấn cùng với việc tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu, nhận thức của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân trong toàn huyện được nâng lên rõ rệt, tạo được sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư, thể hiện quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị trong công cuộc xây dựng NTM. Nhân dân tự nguyện hiến đất, góp tiền, ngày công lao động để làm đường giao thông nông thôn và nhiều công trình phúc lợi như nhà văn hóa, sân thể thao của thôn, tổ nhân dân, các công trình thủy lợi, kênh, mương nội đồng... Bên cạnh đó, các khu dân cư đã tự giác tham gia vào nhiều hoạt động như giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, nơi ăn, ở.

2.2.2. Huy động nguồn lực

Huyện Sơn Dương có 33 xã và thị trấn, trước khi triển khai xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM, huyện gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu, hầu hết các xã chỉ đạt từ 3-4 tiêu chí. Trước khó khăn trên, để thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, huyện ủy, UBND huyện Sơn Dương tập trung chỉ đạo việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM gắn với thực tiễn và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời, thực hiện lồng

ghép các nguồn vốn đầu tư; khuyến khích người dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phương châm “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*”, lựa chọn các tiêu chí thực hiện dễ làm trước, khó làm sau.

Tính đến cuối năm 2016, toàn huyện Sơn Dương đã huy động được 141.478,8 tỷ đồng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, trong đó vốn ngân sách 92.615,3 triệu đồng chiếm 65,46% (ngân sách Trung ương: 19.254,3 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 43.404,0 triệu đồng, ngân sách huyện: 29.957,0 triệu đồng), vốn tín dụng: 28.364,5 triệu đồng chiếm 20,05%, vốn lồng ghép 5.273,0 triệu đồng chiếm 3,73%, vốn huy động nhân dân 15.226,0 triệu đồng chiếm 10,76% [4, tr.4].

Quỹ Vì người nghèo của huyện đã hỗ trợ sản xuất cho gần 200 hộ nghèo với số tiền 1.784.952.000 triệu đồng. Thực hiện cuộc vận động của UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, mỗi hộ gia đình tiết kiệm 1.000 đồng/ngày để xây dựng nông thôn mới, đến nay toàn huyện đã huy động được hơn trên 1 tỷ đồng.

Để thực hiện tốt việc xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, huyện Sơn Dương đã chỉ đạo các địa phương rà soát, xác định những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, cân đối với nguồn lực thực hiện tại của các xã để lập kế hoạch cụ thể, quyết định ưu tiên lĩnh vực đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết để rút ra những kinh nghiệm trong xây dựng NTM; kiểm tra tiến độ giải ngân và đánh giá kết quả sử dụng nguồn vốn được giao thực hiện chương trình... Huyện phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 30% số xã đạt chuẩn NTM; trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh... Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới của huyện là nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, nhằm tạo sự

chuyên biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị.

Nhằm huy động tốt mọi nguồn lực, huyện Sơn Dương tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào xây dựng nông thôn mới, từ đó tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân. Đồng thời, chỉ đạo các phòng ban của huyện có những phương án phân bổ nguồn vốn phù hợp; huy động các nguồn vốn xã hội hóa để các xã sớm hoàn thành các tiêu chí.

2.2.3. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới và phát triển sản xuất

Đến năm 2014, 32/32 xã của huyện đã hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn cấp xã tỷ lệ 1/5000. Quy hoạch được xây dựng và phê duyệt đúng quy định, cơ bản đáp ứng được những nội dung tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-TNMT ngày 28/10/2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã NTM. Tổng kinh phí cho công tác quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới là 4.870 triệu đồng. Tuy nhiên, các xã mới chỉ dừng lại ở quy hoạch chung, còn thiếu các quy hoạch chi tiết. Hầu hết chưa được cắm mốc quản lý quy hoạch do kinh phí hạn chế chưa bố trí cho các xã thực hiện được nội dung này (toàn huyện có 01/32 xã đã tổ chức cắm mốc quy hoạch theo quy định).

Cuối năm 2014, 32/32 xã đã lập xong quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm xã tỷ lệ 1/500 được UBND huyện phê duyệt với quy mô diện tích từ 10 đến 15 ha bao gồm vị trí, ranh giới, diện tích đất, dự báo quy mô xây dựng mới hoặc cải tạo, định hướng kiến trúc đặc trưng đối với khu trung tâm và từng công trình công cộng cấp xã; nội dung, yêu cầu và nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, tầng cao, giải pháp kiến trúc công trình công cộng và dịch vụ, cây xanh, các vùng phát triển, vùng hạn chế xây dựng, vùng cấm xây dựng, vùng bảo tồn; Các chỉ tiêu về quy hoạch đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trung tâm xã. Xác

định các dự án ưu tiên đầu tư tại trung tâm xã và các thôn, bản, khu vực được lập quy hoạch. Tổng kinh phí cho công tác quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm của các xã là 8 tỷ đồng.

Song song với việc quy hoạch công tác phát triển sản xuất luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, thực hiện hiệu quả, thiết thực các chương trình khuyến nông, xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn kiến thức về khoa học kỹ thuật cho nông dân sản xuất với mục tiêu giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân.

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung đến năm 2015, huyện đã triển khai xây dựng dự án trồng rau vụ đông 184,08 ha tại các xã: Sơn Nam, Ninh Lai, Trung Yên, Minh Thanh, Bình Yên, Phúc Ứng, Hợp Hòa, Sầm Dương, Đại Phú; 30 dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi tại các xã: Ninh Lai, Lâm Xuyên, Đại Phú, Tam Đa, Sơn Nam, Chi Thiết, Thiện Kế, Vĩnh Lợi, Tú Thịnh, Văn Phú, Phú Lương. Thành lập Hội trang trại Sơn Dương từng bước tạo sự liên kết trong tổ chức sản xuất và thay đổi phương thức sản xuất.

Tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện liên kết sản xuất hàng hóa với Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao triển khai trồng cây ngô ngọt tại các xã Lâm Xuyên, Sầm Dương, Hồng Lạc, Đông Thọ, Hợp Hòa với tổng diện tích thực hiện 77,8 ha. Chủ động phối hợp với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu rau quả GOC triển khai trồng cây dưa chuột Nhật vụ đông tại xã Văn Phú.

Tổ chức cho các xã đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi, kinh tế trang trại trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại và Nghị quyết số

12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 về việc hỗ trợ sản xuất hàng hóa một số cây trồng, vật nuôi. Đến ngày 15/9/2015, đã giải ngân 9,24 tỷ đồng, trong đó: Hỗ trợ mua trâu giống: 213 con trâu/73 hộ/3,65 tỷ đồng; Hỗ trợ kinh tế trang trại: 15 trang trại/4,89 tỷ đồng; Hỗ trợ chăn nuôi thủy sản: Nuôi cá lồng 19 lồng/7 hộ/0,7 tỷ đồng.

Tính riêng năm 2016, huyện tập trung triển khai, đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 10 và Nghị quyết số 12 của HĐND tỉnh về khuyến khích phát triển kinh tế trang trại và hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, kết quả: Tổng số trang trại đăng ký 57/57 hộ, nhu cầu vay vốn 27,5 tỷ đồng, nhu cầu hỗ trợ lãi suất 2,75 tỷ đồng, tổng số hộ được phê duyệt danh sách đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất tiền vay, vay theo Nghị quyết số 10 là 55 hộ/55 trang trại. Huyện đã giải ngân cho 51 trang trại/55 hộ trị giá 15,659 tỷ đồng, hỗ trợ lãi suất 6 tháng đầu năm 2016 là 386.621.000 đồng, hiện đang phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng; Tổng đăng ký 1.816 con trâu giống/920 hộ, nhu cầu vay vốn 46 tỷ đồng, nhu cầu hỗ trợ lãi suất 4,772 tỷ đồng, tổng số hộ được phê duyệt danh sách đủ điều kiện hỗ trợ lãi suất tiền vay, vay mua trâu giống 545 hộ/1.091 con trâu (trâu cái 963 con, trâu đực 128 con). Huyện thực hiện giải ngân vay mua trâu giống 150 con trâu/87 hộ, trị giá 4,35 tỷ đồng (trong đó, trâu cái sinh sản 113 con/20 hộ trị giá 2,5 tỷ đồng, trâu đực giống 37 con/37 hộ trị giá 1,85 tỷ đồng), vay nuôi thủy sản 0,25 tỷ đồng trong đó 1 hộ vay nuôi cá theo tiêu chuẩn VietGAP 0,2 tỷ đồng, 01 hộ nuôi cá lồng 0,05 tỷ đồng.

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình nông thôn mới năm 2016 theo kế hoạch giao 5 xã gồm Ninh Lai, Sơn Nam, Đại Phú, Hồng Lạc, Vĩnh Lợi, tổng kinh phí 2 tỷ đồng (400 triệu đồng/01 xã). Đến 30/11/2016 đã có 5/5 xã giải ngân xong đạt 100% kế hoạch giao. Dự án triển khai thực hiện tại các xã mang lại hiệu quả kinh tế, giải quyết được việc làm, tăng thu nhập cho gia đình.

Thực hiện đầy đủ các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng

sản xuất hàng hoá tập trung gắn với công nghiệp chế biến như cây chè, mía, cây nguyên liệu giấy, cây rau. Hình thành và ổn định vùng nguyên liệu mía gần 4.000 ha, chè trên 1.550 ha, cây nguyên liệu giấy 31.924 ha; vùng sản xuất rau tại Sơn Nam, Ninh Lai, Đại Phú, Vĩnh Lợi. Các địa phương chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản, một số sản phẩm đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm như gỗ rừng trồng, mía nguyên liệu, chè... Trong đó, huyện ưu tiên xây dựng thương hiệu sản phẩm như: Chè Tân Trào, chè Vĩnh Tân, chè Ngân Sơn... Hàng năm, huyện tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho người dân; lựa chọn khảo nghiệm, trình diễn các mô hình giống mới có năng suất, chất lượng, nhờ đó sản xuất nông nghiệp của huyện có bước phát triển mạnh; cơ cấu cây trồng và mùa vụ chuyển dịch nhanh. Đến nay, toàn huyện có hơn 11.000 ha lúa, hơn 4.600 ha mía, trên 1.500 ha cây chè, gần 32.000 ha chuyên canh rau màu, mỗi năm trồng mới hơn 2.100 ha rừng. Với cây màu, các hộ nông dân đã tích cực chuyển đổi diện tích đất ruộng một vụ kém hiệu quả sang trồng những cây có năng suất, chất lượng cao như ớt, bí xanh, dưa, đỗ, lạc, ngô, khoai lang... Tập trung phát triển mạnh sản xuất vụ 3, khuyến khích mở rộng diện tích vụ đông trên đất 2 vụ lúa. Các vùng trồng rau màu tập trung ở các xã Sơn Nam, Ninh Lai, Đại Phú, Vĩnh Lợi, thị trấn Sơn Dương... với việc luân canh, xen canh, gối vụ nên mỗi ha cho nông dân thu nhập từ 100 - 200 triệu đồng/năm. Quản lý chặt chẽ đất lúa theo quy hoạch, an ninh lương thực được đảm bảo. Chăn nuôi có bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá với quy mô trang trại, gia trại; Duy trì và phát triển đàn trâu, đàn bò với quy mô phù hợp; Công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm chú trọng. Thu nhập bình quân toàn huyện năm 2014 đạt 18,67 triệu đồng/người/năm; ước năm 2017 đạt 25 triệu đồng/người/năm.

Công tác giảm nghèo đạt được kết quả cao, năm 2015 toàn huyện còn

2.462 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 5,78%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong các năm cụ thể như sau: năm 2010 là 31,88%, năm 2011 là 25,82%, năm 2012 là 19,5%, năm 2013 là 14,12%, năm 2014 là 9,81%, theo số liệu rà soát đến thời điểm tháng 8/2015 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm xuống còn 5,78%; Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 90,03 %.

Huyện Sơn Dương có hai hình thức tổ chức sản xuất chính đó là hình thức sản xuất hợp tác xã và trang trại, toàn huyện hiện có 35 hợp tác xã nông, lâm nghiệp, trong đó quy mô toàn xã 31, quy mô liên thôn bản 02, quy mô thôn bản 02, hoạt động của một số hợp tác xã đã chuyển đổi theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Ban quản lý hoạt động có hiệu quả, có vốn góp, nộp được bảo hiểm xã hội cho người lao động, vốn tích lũy và tài sản hàng năm tăng; huyện có 214 trang trại, trong đó có 25 trang trại tổng hợp, 188 trang trại chăn nuôi và 1 trang trại trồng trọt. Trang trại chăn nuôi chủ yếu nuôi lợn nái, lợn thương phẩm, gà, vịt, cá. Trung bình mỗi trang trại nuôi khoảng 150 - 300 con lợn thịt, 1.000 - 3.000 con gà, vịt, thu nhập mỗi trang trại bình quân đạt 200 triệu đồng/năm.. Các trang trại đã được chính quyền các cấp quan tâm, hỗ trợ từ khâu giao đất, thăm định và cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, tạo điều kiện thuận lợi để trang trại phát triển.

Các mô hình được triển khai thực hiện theo đề án xây dựng NTM đã phát huy được hiệu quả, phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp ở địa phương như mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, mô hình sản xuất tập trung ở cây chè, trồng keo, chăn nuôi bò sữa bê, chuyển giao khoa học kỹ thuật, vay vốn ủy thác,... Các mô hình kinh tế đã mang lại lợi ích lớn góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân; người dân tham gia thực hiện mô hình có điều kiện tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến để áp dụng vào sản xuất. Nguồn vốn hỗ trợ cho các mô hình được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả sử dụng vốn cao.

2.2.4. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Thực hiện Chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn giai đoạn 2009 - 2016, đến hết tháng 8/2016 toàn huyện đã triển khai thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn tại 32/32 xã được 954,383 km trong đó đường trục xã 148,78 km/294,46 km, đạt 50,1%; đường trục thôn 447,65 km/676,58 km, đạt 66,2%; đường ngõ xóm 321,22 km/592,08 km đạt 54,2%; đường nội đồng 40,66 km/397,78 km, đạt 10,2%.

Toàn huyện có 396 công trình thủy lợi gồm hồ chứa 212; đập xây 112; phai tạm 48; trạm bơm 24. Các công trình thủy lợi cơ bản an toàn trong mùa mưa lũ đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Số km kênh mương do xã quản lý đã được kiên cố hóa đạt chuẩn đến thời điểm tháng 8/2015 là 455/771 km, đạt 59%.

Trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên được kiên cố hoá, xây dựng mới 364 phòng học (mầm non 137 phòng, tiểu học 135 phòng, THCS 92 phòng), xây dựng 66 gian nhà công vụ (mầm non 12 gian, tiểu học 19 gian, THCS 35 gian), xây dựng 136 công trình nước sạch cho các trường học (mầm non 106 công trình, tiểu học 16 công trình, THCS 14 công trình), 186 công trình nhà vệ sinh (mầm non 137 công trình, tiểu học 34 công trình, THCS 15 công trình). Số trường đạt chuẩn quốc gia các cấp là 26 trường, trong đó: mầm non 04 trường (Tân Trào, Minh Thanh, Sơn Nam, Vĩnh Lợi), tiểu học 10 trường (Đặng Châu, Tân Trào, Kháng Nhật, Vĩnh Lợi, Hợp Thành, 19/8, Phúc Ứng, Sơn Nam, Tôn Đức Thắng, Cấp Tiến); THCS, tiểu học và THCS 12 trường (Hồng Thái, Thượng Âm, Đại Phú, Minh Thanh, Tân Trào, Hợp Thành, Sơn Nam, Kỳ Lâm, Cấp Tiến, Hồng Lạc, Phúc Ứng, Lê Văn Hiến).

Toàn huyện hiện có 26/32 xã có nhà văn hóa trong đó có 05 nhà văn hoá xã đạt chuẩn (Tân Trào, Minh Thanh, Hồng Lạc, Đại Phú, Ninh Lai), các nhà văn hoá xã còn lại đang hoạt động, tuy nhiên không đủ diện tích và các phòng chức năng theo quy định cần được đầu tư xây dựng mới và sửa chữa. Có 400/424 nhà văn hóa thôn đang hoạt động, trong đó có 260/424 nhà đạt chuẩn

theo quy định.

Tính đến tháng 8/2016 số xã có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn theo quy định của ngành điện là 29/32 xã đạt 90,63%, tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn từ các nguồn đạt 99%.

Hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về mua bán, trao đổi hàng hoá thúc đẩy phát triển kinh tế. Toàn huyện có 28 chợ/26 xã, trong đó có 10 chợ đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương gồm các chợ trên địa bàn các xã Trung Yên, Tân Trào, Thượng Âm, Cấp Tiến, Đông Thọ, Tam Đa, Đồng Quý, Kháng Nhật, Văn Phú, Hợp Hoà.

Toàn huyện có 01 bưu điện, 4 bưu cục, 28 điểm bưu điện văn hoá xã, 01 trung tâm viễn thông, 3 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các cơ sở bưu chính viễn thông hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu chuyên phát bưu chính và thông tin liên lạc trên địa bàn huyện. 100% số thôn trên địa bàn huyện được sử dụng Internet.

Tổng số nhà ở hiện có trên địa bàn huyện đến thời điểm 2016 là 45.767 nhà, trong đó số nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng 35.700/45.767 nhà đạt 78%; số nhà ở tạm, dột nát 5.200/45.767 nhà chiếm 11,36%.

Giai đoạn 2009 - 2016 toàn huyện đã triển khai xây dựng mới và bàn giao đưa vào sử dụng 10 công trình trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND gồm Thiện Kế, Tam Đa, Chi Thiết, Ninh Lai, Đại Phú, Tân Trào, Tú Thịnh, Lương Thiện, Hào Phú, Hồng Lạc, đang triển khai xây dựng trụ sở UBND xã Cấp Tiến đạt 80% khối lượng.

Nhìn chung, các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư đã phát huy hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân địa phương. Tuy nhiên do nguồn lực đầu tư còn hạn chế dẫn đến một số công trình xây dựng chậm so với tiến độ nhất là các công trình giao thông nông thôn và nhà văn hóa xã.

2.2.5. Giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất văn hóa, giáo dục, thúc đẩy các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng trong xã, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội và hủ tục lạc hậu; tuyên truyền vận động và tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp, xây dựng cuộc sống khu dân cư văn minh hơn, hiện đại hơn.

Công tác giáo dục đào tạo ở khu vực nông thôn được quan tâm toàn diện về cơ sở vật chất. Toàn huyện có 109 trường (35 trường mầm non, 30 trường tiểu học, 31 trường THCS, 06 trường Tiểu học và Trung học cơ sở, 06 trường Trung học phổ thông và 01 trường THPT Dân tộc nội trú). Có 32/32 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được trú trọng góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; Trong 6 năm, Trung tâm dạy nghề huyện đã tổ chức được 80 lớp, trong đó 27 lớp sửa chữa máy nông nghiệp, điện dân dụng, may công nghiệp; 53 lớp trồng cây lương thực thực phẩm, chăn nuôi, mây tre đan với 4.305 lao động được đào tạo, tập huấn; phối hợp với các cơ quan, đoàn thể huyện tổ chức tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho hơn 3.480 lượt người tham gia.

Đến tháng 8/2016 toàn huyện có 32/32 xã có trạm Y tế, trong đó 10/32 trạm Y tế có nhà làm việc kiên cố, đáp ứng với Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế giai đoạn 2011 - 2020 gồm các trạm Y tế của xã Trung Yên, Tân Trào, Lương Thiện, Bình Yên, Minh Thanh, Đông Thọ, Hợp Hòa, Ninh Lai, Đại Phú, Hồng Lạc; Trạm Y tế xã Lâm Xuyên đang trong giai đoạn thi công xây dựng; còn 24/32 trạm đã xuống cấp, thiếu các phòng chức năng cần đầu tư nâng cấp. Số người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là 145.754 người, chiếm 76% tổng dân số nông thôn.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh được phổ biến sâu rộng dưới nhiều hình thức; Các hoạt động văn hoá,

thể thao quần chúng, tổ chức các lễ hội truyền thống và bảo tồn các di tích được duy trì và ngày càng phát triển. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” tiếp tục được đẩy mạnh, hết năm 2014 tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hoá 78,4 %, gia đình văn hoá đạt 84,8% góp phần xây dựng đời sống văn hóa phong phú, từng bước thực hiện nếp sống văn minh, tăng cường đoàn kết ở khu dân cư.

Công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải ở khu vực nông thôn bước đầu được quan tâm, đã xây dựng được 2 bãi chứa rác thải tập trung tại xã Tân Trào, Phúc Ứng; hoàn thiện và đưa vào sử dụng nghĩa trang tập trung của huyện, nghĩa trang xã Tân Trào, Ninh Lai. Triển khai cho các hội viên nông dân vay vốn phát triển chăn nuôi kết hợp xây dựng hầm Biogas theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh, kết quả đến 30/8/2015 đã xây dựng 1.001 hầm Biogas. Toàn huyện xây dựng 379 bể chứa, thu gom chai lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật.

Hệ thống chính trị ở cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở đạt chuẩn được quan tâm. Đến nay đã có 10/32 xã đạt tiêu chí về hệ thống tổ chức chính trị.

Công tác đảm bảo an ninh trật tự ở nông thôn đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kịp nắm bắt thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân. Tình trạng phạm tội và các tệ nạn xã hội cơ bản được hạn chế, an ninh chính trị, tình hình dân tộc, tôn giáo, văn hoá tư tưởng được giữ vững ổn định. Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo được quan tâm, giải quyết cơ bản các vụ việc không để tồn đọng kéo dài. Đến nay đã có 29/32 xã đạt tiêu chí về An ninh trật tự xã hội.

2.3. Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

Xuất phát điểm của các xã khi triển khai xây dựng NTM trên địa bàn huyện Sơn Dương thấp, năm 2011 xã đạt tiêu chí cao nhất là 7 tiêu chí, thấp nhất là 2 tiêu chí. Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM số tiêu chí của các xã đạt được như sau: Năm 2011 tổng số tiêu chí đạt trên địa

bàn 32 xã là 114 tiêu chí, bình quân đạt 3,56 tiêu chí/xã; Đến tháng 9/2016 tổng số tiêu chí đạt trên địa bàn 32 xã là 335 tiêu chí, bình quân đạt 9,6 tiêu chí/xã; Dự kiến hết năm 2017 tổng số tiêu chí đạt trên địa bàn 32 xã là 350 tiêu chí (tăng 236 tiêu chí so với năm 2011), bình quân đạt 11 tiêu chí/xã.

Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang tại 32 xã của huyện Sơn Dương, đến hết tháng 12/2016 có 02 xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí (xã điểm Tân Trào đạt năm 2014; xã Ninh Lai năm 2016; dự kiến đến năm 2017 có thêm 02 xã về đích NTM là xã Đại Phú và Hồng Lạc); 18 xã đạt từ 10-18 tiêu chí (Sơn Nam, Vĩnh Lợi, Phú Lương, Trung Yên, Sầm Dương, Minh Thanh, Cấp Tiên, Thiện Kế, Tam Đa, Hợp Thành, Hào Phú, Văn Phú, Tuân Lộ, Bình Yên, Thượng Âm, Đông Lợi, Hợp Hoà, Kháng Nhật); 10 xã đạt từ 7-9 tiêu chí (Tú Thịnh, Phúc Ứng, Đông Thọ, Chi Thiết, Thanh Phát, Lương Thiện, Lâm Xuyên, Vân Sơn, Quyết Thắng, Đồng Quý); không có xã nào đạt dưới 5 tiêu chí (Tổng số tiêu chí đăng ký thực hiện năm 2016 gồm 55 tiêu chí; đến ngày 15/12/2016 đạt 55/55 tiêu chí bằng 100% kế hoạch đề ra).

So sánh với các huyện khác trong tỉnh như huyện Yên Sơn có 30 xã thực hiện Chương trình xây dựng NTM bình quân tiêu chí đạt được là 11, số xã đạt 19/19 tiêu chí: 3, từ 10 - 18 tiêu chí: 18, từ 7 - 9 tiêu chí: 7; huyện Hàm Yên có 17 xã, bình quân tiêu chí đạt được là 10, số xã đạt 19/19 tiêu chí: 2, từ 10 - 18 tiêu chí: 6, từ 5 - 9 tiêu chí: 8; thành phố Tuyên Quang có 5 xã, bình quân tiêu chí đạt được là 165, số xã đạt 19/19 tiêu chí: 3, từ 10 - 18 tiêu chí: 2.

Chương trình xây dựng NTM của huyện Sơn Dương đạt được kết quả khá cao so với các huyện, thành phố khác trong tỉnh, mặc dù có nhiều khó khăn, hạn chế (diện tích huyện rộng, dân cư phân bố không tập trung, nhiều xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí và thu nhập bình quân đầu người ở một số nơi còn thấp) nhưng với quyết tâm chính trị cao, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Sơn Dương đã khắc phục khó khăn, bước đầu thực hiện thắng lợi cuộc vận động trở thành “điểm sáng” của tỉnh về xây dựng NTM.

Tiểu kết chương 2

Xây dựng NTM là chủ trương lớn, đúng đắn, được người dân đồng tình, ủng hộ. Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị từ huyện đến các xã đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Bộ máy điều hành chỉ đạo thực hiện Chương trình được hình thành và hoạt động có hiệu quả.

Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung thể hiện quyết tâm chính trị cao, chỉ đạo quyết liệt triển khai Chương trình một cách toàn diện, đồng bộ, lồng ghép các chương trình hợp lý, tạo hiệu quả trong đầu tư nhất là đầu tư cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hoá. Công tác tuyên truyền được quan tâm đẩy mạnh, nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2008 - 2016.

Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” đã có tác động không nhỏ đến tinh thần của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện. Hệ thống thông tin tuyên truyền về NTM hoạt động phong phú, liên tục đã động viên rất tích cực, kịp thời đến phong trào xây dựng NTM.

Nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ rệt, sâu sắc; Xây dựng NTM đã trở thành phong trào của toàn dân; Dân chủ cơ sở được nâng cao, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân từng bước được nâng lên rõ rệt. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM như phong trào hiến đất, góp công, vật liệu làm đường giao thông nông thôn, nhà văn hoá thôn...

Bộ mặt nông thôn ở nhiều xã được đổi mới, văn minh hơn, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

Chương 3

MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG (2008 - 2016)

3.1. Góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức song, kinh tế của huyện Sơn Dương bước đầu có sự phát triển, giai đoạn 2008 - 2016 cơ cấu kinh tế của huyện dần chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp. Năm 2016, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26%, ngành công nghiệp - xây dựng là 46%, ngành dịch vụ là 28%. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 17 triệu đồng/người năm 2011 lên 23,4 triệu đồng/người năm 2016 [41, tr.3].

Lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp, các thành phần kinh tế có bước phát triển, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp được triển khai thực hiện, đã hoàn thành một số dự án công nghiệp trên địa bàn, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Hiện nay, huyện có 1 khu công nghiệp và 3 điểm công nghiệp với 15 nhà máy công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch với tổng diện tích gần 400 ha. Điển hình là Khu công nghiệp Sơn Nam được phê duyệt quy hoạch tổng thể là 150 ha; Điểm công nghiệp độc lập Mãng Ngọt (Tổ nhân dân Mãng Ngọt, thị trấn Sơn Dương) tổng diện tích quy hoạch là 4 ha. Toàn huyện có 123 doanh nghiệp, trên 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trên các lĩnh vực đã tạo việc làm cho trên 6.500 lao động, đóng góp cho ngân sách huyện trên 18 tỷ đồng tiền thuế/năm. Huyện Sơn Dương đang là địa phương dẫn đầu trong tỉnh về sản xuất công nghiệp. Các dự án công nghiệp đã sản xuất ổn định như Nhà máy chế biến Barite của Công ty TNHH 27-7, Công ty cổ phần Vân Sơn; Nhà máy chế biến cao lanh, Fenspat của Công ty TNHH Fenspat An Bình tại Cụm công nghiệp Sơn Nam; Nhà máy chế biến chè của Công ty cổ phần Chè Tân Trào, Công ty TNHH Thành Long tại thị trấn Sơn Dương; Nhà máy Bột giấy và Giấy An Hòa điểm công

nghiệp Vĩnh Lợi; Nhà máy sản xuất và chế biến đá xây dựng của Công ty cổ phần Chế biến lâm sản Tuyên Quang; Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương, Công ty cổ phần Prime và các đơn vị khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản.

Các dự án mới đang được nỗ lực triển khai như Nhà máy May của Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Nhà máy sản xuất chế biến thức ăn gia súc của Công ty TNHH Trường Thọ Việt Nam, tổ hợp dự án sản xuất con, cây giống và thức ăn gia súc của Tập đoàn DABACO Việt Nam.

Tổng nguồn vốn đầu tư vào các dự án trên đến hết năm 2016 là hơn 1.513 tỷ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2016 thực hiện vượt trên 10%, một số sản phẩm chủ yếu đạt cao như: Điện thương phẩm đạt 181 triệu kWh, đường kính đạt 32.049 tấn, chè chế biến các loại đạt 3.476 tấn, bột Barite đạt 8.005 tấn, bột Fenspat đạt 313.482 tấn, nước máy tiêu thụ đạt 726.000 m³, bột giấy 123.000 tấn, giấy tráng phân cao cấp 82.078 tấn.

Với mục tiêu huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, phấn đấu đến năm 2020, Sơn Dương trở thành huyện phát triển khá của tỉnh. Vì vậy, trong thời gian qua huyện đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm an ninh, an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh.

Quy hoạch, đầu tư phát triển các công trình hạ tầng tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, các điểm du lịch tại thị trấn Sơn Dương, xã Hồng Lạc, Sơn Nam... Hàng năm, huyện đã thu hút trên 600.000 lượt khách đến tham quan, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của địa phương.

Các ngành thương mại, dịch vụ phát triển mạnh mẽ, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của nhân dân trong huyện, giao thông thuận lợi đã tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá diễn ra sôi nổi ở tất cả các địa phương.

Kinh tế nông nghiệp tiếp tục phát triển, huyện đã quy hoạch các vùng chuyên canh cây trồng, năng suất bình quân đạt 52 tạ/ha, sản lượng lương thực

bình quân đầu người đạt 560kg/người/năm, nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp chế biến.

Kinh tế lâm nghiệp phát triển theo hướng hiệu quả, bền vững, toàn huyện hiện có trên 78 nghìn ha đất tự nhiên, trong đó diện tích đất lâm nghiệp trên 45 nghìn ha, chiếm trên 57% diện tích đất tự nhiên. Nhiều năm liên tục, Sơn Dương là huyện hoàn thành và vượt kế hoạch tỉnh giao về chỉ tiêu trồng rừng mới. Giai đoạn 2008 - 2016, toàn huyện đã trồng mới trên 12 nghìn ha rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 52%. Huyện đã hoàn thành việc rà soát và cắm mốc phân 3 loại rừng, gồm: đất rừng đặc dụng trên 10 nghìn ha, đất rừng phòng hộ trên 3.057 ha, đất rừng sản xuất trên 29.403 ha. Phát triển kinh tế lâm nghiệp góp phần đưa giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện năm 2016 đạt trên 700 tỷ đồng. Huyện thực hiện mô hình liên kết trong trồng rừng với cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản đã mang lại lợi ích hài hòa cho cả người trồng rừng và doanh nghiệp.

Chăn nuôi ngày càng phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô trang trại, gia trại. Huyện thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội trang trại huyện theo hướng mở rộng hợp tác, liên kết; tạo môi trường, cơ hội thuận lợi để các trang trại học tập, trao đổi kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất. Năm 2016, đàn gia súc, gia cầm, diện tích nuôi thả cá tăng từ 0,2% đến 11,8% so với năm 2014. Toàn huyện hiện có 133 trang trại tổng hợp, trong đó có 50 trang trại chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp. Huyện hỗ trợ trên 30 dự án phát triển chăn nuôi tại các xã. Các trang trại phát triển được gắn với quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch phát triển các vùng sản xuất thức ăn cho gia súc; khuyến khích sản xuất thức ăn và sản phẩm chăn nuôi đi đôi với việc quản lý dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Giá trị ngành chăn nuôi đạt trên 1 tỷ đồng, chiếm 38% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp. Huyện hiện có 821 ha mặt nước ao, hồ, các công trình thủy lợi đây là lợi thế để Sơn

Dương phát triển chăn nuôi thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa.

Cùng với việc đẩy mạnh thu hút đầu tư, triển khai các giải pháp mang tính đồng bộ trong phát triển kinh tế, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Sơn Dương đã và đang tiếp tục đổi mới mạnh mẽ trên các lĩnh vực, góp phần tích cực vào việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Sơn Dương trở thành huyện phát triển.

Để đạt được những kết quả như vậy thì các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã tích cực triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng NTM. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn UBND các xã tổ chức thực hiện xây dựng NTM; Chủ động, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng NTM ở các xã. Tổ chức lồng ghép, sử dụng hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng NTM đảm bảo kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện xây dựng NTM một số cấp ủy, chính quyền xã chưa thực sự chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, việc sử dụng các nguồn lực chưa thực sự hiệu quả, một số xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn tiềm lực kinh tế yếu, kết quả huy động nguồn lực thấp vì vậy nền kinh tế chưa có sự chuyển biến rõ nét, cơ cấu các ngành kinh tế hầu như chưa có sự chuyển dịch, giá trị sản xuất thấp, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất còn chậm (Thanh Phát, Lương Thiện, Đông Thọ, Quyết Thắng).

3.2. Góp phần nâng cao đời sống nhân dân

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” được nâng cao về chất lượng và hiệu quả; thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên. Đến hết năm 2016 tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hoá đạt 78,4 %, gia đình văn hoá đạt 84,8% góp phần xây dựng đời sống văn hoá phong phú, từng bước thực hiện nếp sống

văn minh, tăng cường đoàn kết ở khu dân cư.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao tiếp tục được đẩy mạnh, toàn huyện có 455 đội văn nghệ, 881 đội thể thao cơ sở, có nhiều câu lạc bộ (CLB) như: CLB bóng đá nữ xã Phú Lương, CLB bóng chuyền hơi người cao tuổi xã Hồng Lạc, CLB dưỡng sinh người cao tuổi thị trấn Sơn Dương, CLB Văn nghệ hát Soọng cô xã Thiện Kế, hát Sinh Ca xã Đại Phú... Huyện cũng tổ chức thành công Đại hội Thể dục - thể thao cấp cơ sở và Đại hội cấp huyện lần thứ VIII năm 2015, tham gia Đại hội Thể dục - thể thao tỉnh Tuyên Quang lần thứ VIII năm 2015 đạt kết quả cao.

Các lễ hội truyền thống được khôi phục, công tác quản lý đảm bảo đúng quy định; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc trên địa bàn huyện. Các di tích lịch sử, văn hóa được gìn giữ, bảo tồn và phát huy; hiện nay huyện có 205 điểm di tích lịch sử, văn hóa. Trong đó, có 42 điểm di tích cấp Quốc gia, 68 điểm di tích cấp tỉnh và 95 điểm di tích đã được lập hồ sơ khoa học đề nghị cấp bằng di tích.

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của con em địa phương. Quy mô trường, lớp được mở rộng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được tăng cường. Hiện nay, toàn huyện có 102 trường công lập. Đội ngũ cán bộ, quản lý giáo dục đảm bảo về số lượng, cơ cấu, có trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ vững vàng; 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn đạt 60%; đảng viên trong ngành chiếm 61,56%. Việc thi tuyển, xét tuyển viên chức tại các đơn vị sự nghiệp đảm bảo công khai, dân chủ, đúng quy định. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị TW 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học có nhiều chuyên biến tích cực. Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Công tác xây dựng trường

đạt chuẩn quốc gia được triển khai tích cực, tính đến năm 2015 Sơn Dương có 26 trường đạt chuẩn quốc gia các cấp; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, bổ túc, học nghề trung bình trong 5 năm đạt trên 88%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 95%. Số học sinh giỏi các cấp hàng năm đều tăng; Số học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước. Công tác xã hội hóa giáo dục và khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ, rộng khắp.

Chương trình giảm nghèo được triển khai đồng bộ và đạt kết quả cao thực, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 31,88% năm 2010 xuống còn 5,78% năm 2015. Các chương trình, đề án giải quyết việc làm đạt được những kết quả quan trọng, nhất là công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, số người lao động qua đào tạo tăng lên đáng kể.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chú trọng, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên rõ rệt, đáp ứng về cơ bản yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế giai đoạn 2011 - 2015. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn được triển khai và thực hiện tốt. 100% các trạm Y tế xã, thị trấn có bác sỹ phục vụ khám, chữa bệnh.

Công tác dân số - KHHGD được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo, tỷ lệ sinh con thứ ba trong những năm qua đã giảm đi đáng kể. Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em đạt kết quả cao, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 15%.

Kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là đường giao thông đã được chú trọng đầu tư, tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn của huyện. Các hồ, đập thủy lợi, kênh mương nội đồng được kiên cố hoá đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ và cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học. Tính đến hết năm 2016, toàn huyện đã xây dựng mới 370 phòng học, 66

gian nhà công vụ, 03 nhà hiệu bộ, 136 công trình nước sạch, 188 công trình nhà vệ sinh, 26 phòng truyền thống, 26 thư viện. Số trường đạt chuẩn quốc gia các cấp là 26 trường.

Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở tiếp tục được đầu tư nâng cấp, các trạm y tế xã trên địa bàn huyện đã được xây dựng kiên cố, 100% các xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế đạt chuẩn chuẩn về trình độ chuyên môn, tay nghề, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên rõ rệt.

Hệ thống đường điện trung thế và hạ thế đảm bảo được nhu cầu điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn huyện phát triển đồng bộ, các xã đều đã được phủ sóng điện thoại có thể truy cập, khai thác thông tin qua Internet không dây và thông qua các điểm bưu điện văn hóa xã.

Trụ sở làm việc của một số xã được cải tạo nâng cấp và xây dựng mới (năm 2016 toàn huyện đã xây dựng mới được 11 công trình trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã). Hệ thống lưới điện từng bước được cải thiện, đáp ứng yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Nhà văn hóa xã, thôn, tổ dân phố được quan tâm đầu tư xây dựng, đến nay toàn huyện hiện có 28/33 xã, thị trấn có nhà văn hóa, có 402/424 thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt 95%.

Kết quả trên cho thấy sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của cấp ủy, chính quyền các cấp, công tác tuyên truyền thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước đối với Chương trình xây dựng NTM theo tinh thần người dân phải là chủ thể; huy động nội lực là chính. Chủ động, sáng tạo và đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây dựng NTM theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết”. Việc sử dụng

nguồn lực vào các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch. Đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở được chuẩn hóa. Mọi việc làm đều dựa trên nguyện vọng chính đáng của nhân dân, phát huy tốt nhất vai trò của cộng đồng, nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng” được quán triệt sâu sắc, không mắc phải tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích.

Tuy nhiên, do xuất phát điểm để xây dựng NTM của huyện thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, cơ sở vật chất hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ, trình độ dân trí, thu nhập bình quân đầu người thấp nên việc huy động nguồn lực gặp nhiều khó khăn vì vậy ở một số xã nhiều công trình nông thôn bị chậm so với tiến độ, tiêu chí về nhà ở, vệ sinh môi trường, thu nhập... chưa đạt đặc biệt là ở các thôn, xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

3.3. Những hạn chế và bài học kinh nghiệm

Cuộc vận động xây dựng NTM của huyện Sơn Dương đã có nhiều khởi sắc, song khó khăn, thách thức đang đặt ra đối huyện Sơn Dương là làm sao bảo vệ được bền vững các tiêu chí đã đạt được cùng với đó là các vấn đề về an sinh xã hội, tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Nhiều địa phương đã đạt được các tiêu chí về xây dựng NTM, nhưng các tiêu chí về hệ thống cơ sở vật chất vẫn còn hạn chế; Tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người và tỷ lệ hộ nghèo vẫn là những thách thức đặt ra ở một số địa phương.

Một số cấp ủy, chính quyền xã chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; Vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình của một số xã chưa thường xuyên liên tục; hình thức tuyên truyền chưa phong phú. Đội ngũ cán bộ thực hiện Chương trình từ huyện đến xã chủ yếu là kiêm nhiệm không có cán bộ

chuyên trách.

Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý ở một số xã chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt về thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM; năng lực của Ban Quản lý xã, Ban Phát triển các thôn còn yếu, thiếu kiến thức tổng hợp về Chương trình xây dựng NTM do đó ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện chung của huyện.

Nguồn lực để thực hiện Chương trình còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu theo lộ trình đặt ra, việc lồng ghép, huy động các nguồn lực xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, trong khi khả năng đóng góp của nhân dân có hạn.

Việc huy động nhân dân tham gia đóng góp để xây dựng nhiều công trình thực hiện theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm (nhà văn hóa, sân thể thao; giao thông nông thôn, nội đồng; kiên cố hóa kênh mương...) gặp nhiều khó khăn do thu nhập của nhân dân còn thấp.

Từ những khó khăn, hạn chế trên, qua nghiên cứu đề tài, tác giả mạnh dạn rút ra một số bài học kinh nghiệm cho cuộc vận động xây dựng NTM của huyện Sơn Dương tỉnh Tuyên Quang trong những năm tiếp theo:

Một là, cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở tích cực triển khai thực hiện thì phong trào mới đạt kết quả cao. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn UBND các xã tổ chức thực hiện xây dựng NTM; Chủ động, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng NTM ở các xã. Tổ chức lồng ghép, sử dụng hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng NTM đảm bảo kế hoạch đề ra.

Hai là, phải làm tốt công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng NTM theo tinh thần người dân phải là chủ thể; huy động nội lực là chính.

Ba là, chủ động, sáng tạo và đa dạng hoá việc huy động nguồn lực để xây

dựng NTM theo phương châm “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết”. Việc sử dụng nguồn lực vào các công trình công cộng phải được người dân bàn bạc dân chủ và thống nhất, có giám sát cộng đồng, đảm bảo công khai, minh bạch.

Bốn là, phải coi trọng công tác xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt ở các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở.

Năm là, mọi việc làm phải dựa trên nguyện vọng chính đáng của nhân dân, phát huy tốt nhất vai trò của cộng đồng, quán triệt sâu sắc nguyên tắc: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”, tránh tư tưởng nóng vội chạy theo thành tích.

Tiểu kết chương 3

Xây dựng NTM là chủ trương lớn nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn, đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị. Sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM, kinh tế - xã hội trong huyện đã có sự chuyển biến rõ rệt. Giá trị sản xuất các ngành, nghề năm sau cao hơn năm trước, nhiều dự án, đề án được thực hiện, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng, diện mạo nông thôn ở nhiều nơi được đổi mới, vệ sinh môi trường được cải thiện, hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và từng bước được nâng cao đặc biệt là ở vùng nông thôn.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế song những kết quả đạt được sau 8 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM có ý nghĩa to lớn đối với huyện Sơn Dương, đây vừa là điều kiện vừa là động lực để huyện tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong những năm tiếp theo.

KẾT LUẬN

Cuộc vận động xây dựng NTM ở huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

mang tính tổng hợp, toàn diện. Với sự cố gắng, nỗ lực của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội và sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân huyện Sơn Dương đã đạt được nhiều thành tích trong 8 năm xây dựng NTM. Kinh tế chuyên dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - du lịch, giảm tỷ trọng các ngành nông - lâm - thủy sản. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đảm bảo, tạo sự thuận lợi trong việc giao lưu buôn bán và phát triển sản xuất đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH của địa phương, thu nhập của người dân không ngừng tăng lên, số hộ nghèo giảm xuống, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố ngày càng vững chắc, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, dân chủ cơ sở được phát huy. Hệ thống điện, đường, trường, trạm đều được nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự tham gia của cả hệ thống chính trị, thực hiện dân chủ gắn với tăng cường công tác dân vận của chính quyền địa phương. Các xã đã tăng cường đối thoại với nhân dân, nhất là những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân như vấn đề môi trường, sản xuất, việc làm, thu nhập, ...

Công tác tuyên truyền, vận động được chú trọng đã tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và cách làm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân; Phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào chung và sâu rộng đến tất cả các địa phương, người dân đã nhận thức rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của chương trình và vai trò chủ thể của mình, từ đó tự nguyện hiến đất, đóng góp vật liệu, ngày công, tháo dỡ tường rào để làm đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hoá, sân thể thao thôn, bản...

Những kết quả đạt được trong cuộc vận động xây dựng NTM của huyện Sơn Dương đã khẳng định Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X là hoàn toàn đúng đắn. Sau 8

năm thực hiện cuộc vận động xây dựng NTM các ngành kinh tế của huyện đều tăng trưởng nhanh; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất ngày càng hợp lý; diện mạo nông thôn nhiều nơi thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại.

Tuy nhiên, xuất phát điểm để thực hiện xây dựng NTM của huyện còn thấp, nhất là về hạ tầng kinh tế - xã hội, tiềm lực kinh tế có hạn, nhân dân thu nhập thấp đời sống còn nhiều khó khăn, nội dung xây dựng NTM liên quan đến nhiều lĩnh vực đời sống kinh tế - chính trị - xã hội, chưa có hình mẫu chuẩn và tiền lệ; việc lãnh đạo, chỉ đạo đôi khi còn lúng túng; Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa chủ động, công tác vận động quần chúng của các tổ chức đoàn thể trong xây dựng NTM hiệu quả chưa cao. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về chương trình chưa đầy đủ; Trong quá trình thực hiện vừa làm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách và hành lang pháp lý, vì vậy cơ sở gặp nhiều khó khăn khi thực hiện. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới còn hạn chế chưa đáp ứng được so với yêu cầu... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện Chương trình. Trong thời gian tới, để thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM cần có những giải pháp thiết thực, đồng bộ, tiếp tục tuyên truyền, vận động sâu rộng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Chương trình xây dựng NTM trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện và xác định được trách nhiệm “chủ thể” của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia bàn bạc, trực tiếp thực hiện xây dựng công trình và giám sát chất lượng, tiến độ xây dựng các công trình ở cơ sở, đẩy mạnh thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới*”, đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng làng, xã, gia đình văn hóa. Thực hiện tốt công tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vệ sinh môi trường nông thôn, cải tạo, nâng cấp các công trình vệ sinh gia đình, chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

Huy động các nguồn lực từ nhân dân, các doanh nghiệp và tranh thủ các

Chương trình mục tiêu quốc gia khác đang triển khai trên địa bàn các xã đề lồng ghép thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tăng cường liên kết 4 nhà trong sản xuất nông, lâm nghiệp theo chuỗi giá trị sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất giống; sản xuất, chế biến nông lâm sản; hình thành các trung tâm, cơ sở sản xuất giống gắn với các doanh nghiệp chế biến, kinh doanh nông sản. Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi, điện, cơ sở vật chất trường, lớp học đạt chuẩn quốc gia, xây dựng cơ sở vật chất văn hoá, trạm y tế xã khám chữa bệnh, chợ nông thôn, bưu điện xã. Ưu tiên xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đảm bảo phát huy hiệu quả các khu sản xuất tập trung: Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, dịch vụ, du lịch. Từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho phát triển văn hóa, thể thao ở các xã, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử văn hoá, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Dương (2006), *Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Dương (1930 - 2005)*, Tuyên Quang.
- [2]. Ban Chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 "Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn"*, Hà Nội.
- [3]. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM huyện Sơn Dương (2015), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện Sơn Dương (2011-2015)*, Tuyên Quang.
- [4]. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM huyện Sơn Dương (2016), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện Sơn Dương năm 2016, phương hướng năm 2017*, Tuyên Quang.
- [5]. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM huyện Sơn Dương (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện Sơn Dương theo Nghị Quyết quyết số 10 và 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh*, Tuyên Quang.
- [6]. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khoá XV (2011), *Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [7]. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Dương khoá XIX (2012), *Chương trình hành động số 12-CTr/HU ngày 02/01/2012 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [8]. Ban Tư tưởng văn hóa TW, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), *Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [9]. Hoàng Chí Bảo (2001), *Xã hội học nông thôn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Tống Văn Chung (2000), *Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam* (bản dịch), NXB Thế giới, Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [12]. Chi cục Thống kê huyện Sơn Dương (2017), *Niên giám thống kê huyện Sơn Dương từ năm 2005 đến năm 2017*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [13]. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang (2015), *Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang từ năm 2005 đến năm 2015*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [14]. Vũ Năng Dũng (2004), *Cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí, bước đi, cơ chế chính sách trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [15]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [17]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [18]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [22]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, thứ 6 Ban Chấp hành TW Đảng khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành TW Đảng khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [24]. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2012), *Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 về mức hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2013-2015*, Tuyên Quang.
- [25]. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2016), *Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 quy định mức hỗ trợ kiên cố hoá kênh mương, bê tông hoá đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hoá, thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020*, Tuyên Quang.
- [26]. Huyện uỷ Sơn Dương (2010), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Dương lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010-2015*, Tuyên Quang.
- [27]. Huyện uỷ Sơn Dương (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Dương lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015-2020*, Tuyên Quang.
- [28]. Vũ Trọng Khải (2004), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT-XH NTM, kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [29]. Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đại Doãn (1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [30]. Phạm Xuân Nam (1997), *Phát triển nông thôn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [31]. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sơn Dương (2010) *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục - đào tạo huyện Sơn Dương giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.

- [32]. Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện Sơn Dương (2011), *Quy hoạch tổng thể ngành Lao động - Thương binh xã hội huyện Sơn Dương giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [33]. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Dương (2011), *Báo cáo Nội dung xây dựng quy hoạch Kinh tế - xã hội huyện Sơn Dương giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*”, Tuyên Quang.
- [34]. Phòng Nội vụ huyện Sơn Dương (2011), *Báo cáo số lượng cán bộ, viên chức biên chế toàn huyện từ năm 2010 đến 2106*, Tuyên Quang.
- [35]. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Sơn Dương (2011), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác thông tin - tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [36]. Vũ Văn Phúc (2012), *Xây dựng NTM lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [37]. Tô Huy Rứa (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong đổi mới ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” (Tạp chí Cộng sản, số 12, 2008).
- [38]. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Nghị quyết 24/NQ-CP ngày 28/10/2008 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-TW*, Hà Nội.
- [39]. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-CP về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia NTM*, Hà Nội.
- [40]. Đào Thế Tuấn (2007), *“Vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nước ta trong thời kỳ đổi mới”* (Tạp chí Cộng sản, số 3, 2007).
- [41]. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương (2011), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Dương khoá XIX, từ năm 2011 đến năm 2015*, Tuyên Quang.

- [42]. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương (2011), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Dương giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [43]. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương (2011), *Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND huyện Sơn Dương về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM*, Tuyên Quang.
- [44]. Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương (2011), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Dương giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.
- [45]. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2016), *Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 29/3/2012 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đề án xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2012 - 2020, định hướng đến năm 2030*, Tuyên Quang.
- [46]. <http://www.tailieu.vn>

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

Đơn vị hành chính, diện tích, dân số và mật độ dân số

huyện Sơn Dương năm 2016

STT	Xã/Thị trấn	Diện tích (Km ²)	Số thôn, tổ dân phố	Dân số (Người)	Mật độ DS (Người/km ²)
1	TTSơn Dương	2078.4	25	13.701	659.2
2	Bình Yên	1293.81	7	2.766	213.8
3	Cấp Tiến	2564.38	9	6.341	247.3
4	Chi Thiết	1159.3	10	3.370	290.7
5	Đại Phú	3391.32	27	10.807	318.7
6	Đông Lợi	2501.52	14	4.625	184.9
7	Đồng Quý	1330.02	9	2.782	209.2
8	Đông Thọ	4912.07	16	8.898	181.1
9	Hào Phú	1448.98	9	5.724	395.0
10	Hồng Lạc	976.22	9	4.882	500.1
11	Hợp Hòa	3868.27	12	6.884	178.0
12	Hợp Thành	3178.79	17	5.256	165.3
13	Kháng Nhật	2820.9	15	2.980	105.6
14	Lâm Xuyên	791.82	6	2.378	300.3
15	Lương Thiện	3254.81	8	2.998	92.1
16	Minh Thanh	3308.46	14	5.291	159.9
17	Ninh Lai	2486.45	20	7.796	313.5
18	Phú Lương	3665.86	11	6.082	165.9
19	Phúc Ứng	4000.38	21	8.607	215.2

20	Quyết Thắng	1244	5	3.450	277.3
21	Sầm Dương	593.34	6	1.749	294.8
22	Sơn Nam	2025.6	24	8.735	431.2
23	Tam Đa	1508.01	18	5.979	396.5
24	Tân Trào	3510.76	8	4.467	127.2
25	Thanh Phát	2069.93	4	1.086	52.5
26	Thiện Kế	3100.49	15	6.257	201.8
27	Thương Âm	2239.03	14	5.336	238.3
28	Trung Yên	3298.75	7	4.744	143.8
29	Tú Thịnh	3059.74	14	6.709	219.3
30	Tuân Lộ	2682.65	17	4.653	173.4
31	Văn Phú	1327.6	11	4.772	359.4
32	Vân Sơn	958.93	5	2.912	303.7
33	Vĩnh Lợi	2144.57	17	8.035	374.7
Tổng	33	78795,15	424	181,052	229.8

Nguồn: UBND huyện Sơn Dương

Phụ lục 2

**Quy mô và cơ cấu sử dụng đất
của huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang năm 2016**

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	78.795,15	100,00
1	Đất nông nghiệp	70.197,24	89,09
1.1	Đất trồng lúa	7.621,84	9,67
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	6.732,10	8,54
1.2	Đất trồng cây hàng năm	8.972,45	11,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	9.311,29	11,82
1.4	Đất rừng phòng hộ	3.482,44	4,42
1.5	Đất rừng đặc dụng	9.989,19	12,68
1.6	Đất rừng sản xuất	29.683,22	37,7
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.005,10	1,28
1.8	Đất nông nghiệp khác	131,72	0,17
2	Đất phi nông nghiệp	7.232,66	9,18
2.1	Đất quốc phòng	5,49	0,01
2.2	Đất an ninh	132,34	0,17
2.3	Đất cụm công nghiệp	245,10	0,31
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	9,57	0,01
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	115,00	0,15
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	194,73	0,25
2.7	Đất phát triển hạ tầng	2.995,27	3,80
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	47,03	0,06
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	10,22	0,01

2.10	Đất ở tại nông thôn	1.387,66	1,76
2.11	Đất ở tại đô thị	65,21	0,08
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	31,78	0,04
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,83	0,002
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	8,55	0,01
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	211,05	0,27
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	82,05	0,10
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	30,39	0,04
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	1,64	0,002
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	5,73	0,01
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.567,28	1,99
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	84,70	0,11
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	0,03	0,00003
3	Đất chưa sử dụng	1.365,26	1,73
4	Đất đô thị*	2.078,40	2,64

Nguồn: UBND tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục 3

Một số tranh, ảnh về xây dựng nông thôn mới tại huyện Sơn Dương



HTX chè Vĩnh Tân - xã Tân Trào



Mô hình chăn nuôi gà của gia đình anh Trần Văn Hưng, xã Sơn Nam

(1)



Bàn giao công trình thanh niên
“Thấp sáng đường quê”, xã Hồng Lạc



Đoàn Thanh niên xã Đại Phú tham gia làm đường bê tông nội đồng

(2)



Học sinh Trường THCS Ninh Lai
trong giờ học môn Tin học.



Học viên đang sửa chữa máy
nông nghiệp

(3)



Thôn Tân Lập - xã Tân Trào



Trung tâm xã Sơn Nam

(4)



Nhà văn hoá thôn Tân Hội
xã Ninh Lai

(5)



Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi
xã Phúc Ứng

(6)



Thôn Tân Lập - xã Tân Trào

(7)



Trung tâm huyện Sơn Dương

(8)

Nguồn: (1) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Dương

(2) Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Sơn Dương.

(3) Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sơn Dương

(4) UBND huyện Sơn Dương

(5) Ủy ban MTTQ huyện Sơn Dương

(6) Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Sơn Dương

(7) UBND huyện Sơn Dương

(8) UBND huyện Sơn Dương